

núi phía Bắc, Chi bộ và nhân dân xã Cao Thành đã tổ chức tiếp nhận một số hộ đồng bào thuộc huyện Vũ Thư (năm 1963) và huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (năm 1965) lên phát triển kinh tế. Xã đã xây dựng hai điểm tập trung là Cốc Tào và Bó Danh, mỗi điểm từ 20-30 hộ chủ yếu làm công việc khai hoang trên đất lầy thụt, bãi nương ót. Đồng bào miền xuôi với trình độ canh tác cao, biết tận dụng từng thước đất, biết sản xuất hàng hóa (cây, con) theo nhu cầu thị trường; xây dựng, bố trí nhà, giếng, sân, chuồng gia súc hợp lý, vừa bảo đảm vệ sinh, vừa tận dụng làm phân bón; đi đầu trong việc đóng gạch, nung vôi xây dựng phai đập, kiên cố hóa kênh mương, xây đường sá thuận tiện cho sản xuất và sinh hoạt.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có bước phát triển khá. Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”, phát huy truyền thống hiếu học của quê hương, chính quyền và nhân dân trong xã bằng mọi biện pháp tạo điều kiện vận động con em trong độ tuổi cấp sách tới trường. Tinh thần thi đua học tập tốt được đẩy lên qua phong trào “Tích cực thi đua dạy thật tốt, học thật tốt, đuổi kịp và vượt Bắc Lý”. Công tác vệ sinh phòng bệnh được coi là nhiệm vụ thường xuyên. Phòng Y tế huyện tổ chức các đội y tế đi về cơ sở phun thuốc diệt muỗi, phòng chống sốt rét cho nhân dân, cho các cháu uống thuốc phòng bệnh.

Công tác đảm bảo an ninh - quốc phòng được coi trọng. Ban Công an xã hoàn thành tốt nhiệm vụ giữ gìn

trị an, kịp thời phát hiện và xử lý những hành động chống phá, lấy cắp tài sản của tập thể. Ngay từ năm 1961, Chi ủy, Ủy ban hành chính đã chỉ đạo xã đội tham gia đợt động viên thử của huyện, đạt kết quả tốt. Thông qua đó, trình độ mọi mặt của dân quân được nâng lên, ý thức sẵn sàng chiến đấu được củng cố, xã đã xây dựng được phương án phòng, chống gián điệp, biệt kích. Nhờ vậy, trong tháng 9-1963, dân quân và nhân dân Cao Thành đã có những đóng góp tích cực để cùng với lực lượng vũ trang các huyện Bạch Thông, Ngân Sơn tóm gọn toán biệt kích nhảy dù xuống Phủ Thông.

Trong công tác xây dựng Đảng, tháng 11-1963, Chi bộ xã Cao Thành tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1963-1965, với nhiệm vụ trọng tâm là triển khai cuộc vận động xây dựng đảng viên “Bốn tốt”¹, Chi bộ “Bốn tốt”. Nhờ những nỗ lực trong công tác xây dựng Chi bộ “Bốn tốt”, số lượng đảng viên của xã không ngừng tăng lên. Bộ máy tổ chức Đảng và chính quyền vì thế được củng cố, đảm nhiệm chức vụ Bí thư Chi bộ trong thời gian này là đồng chí Hà Khải Phương, Phó Bí thư là đồng chí Hoàng Văn Đạo, Chủ tịch Ủy ban hành chính là đồng chí Đinh Quang Tân.

1. Đảng viên gương mẫu trong mọi công việc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nội bộ đoàn kết thực sự; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo tốt sản xuất và chiến đấu; một lòng một dạ phục vụ nhân dân, thiết thực chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đối với Đảng thì củng cố tốt và phát triển tốt.

Mặt trận Tổ quốc xã động viên nhân dân hăng hái tham gia lập thành tích trong sản xuất. Đặc biệt, Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ luôn là lực lượng nòng cốt chiếm ưu thế trong lĩnh vực sản xuất, đăng ký “Xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất”.

Trong lúc cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Bắc nói chung và xã Thiệu Quan¹ nói riêng ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) thì đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Quán triệt tinh thần Chỉ thị về công tác phòng không và sẵn sàng chiến đấu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chi bộ xã Thiệu Quan nhanh chóng chỉ đạo nhân dân chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến.

II. VỪA SẢN XUẤT VỪA SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM, HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, tích cực chi viện cho miền Nam (1965-1968)

Sau “Sự kiện vịnh Bắc Bộ” (ngày 5-8-1964), đế quốc Mỹ tăng cường các hoạt động chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Trước tình hình đó, tháng 3-1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 chỉ rõ: nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc là

1. Từ năm 1964, xã Cao Thành đổi tên thành xã Thiệu Quan.

kịp thời chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế từ thời bình sang thời chiến và tăng cường quốc phòng, tích cực chi viện cho miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái¹, Huyện ủy Ngân Sơn, Chi bộ xã Thiệu Quan đã triển khai nhanh các đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương trong toàn Chi bộ và phổ biến sâu rộng trong nhân dân địa phương nhằm quán triệt những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng ta đã vạch ra, đồng thời khẳng định quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ tình huống nào.

Đầu năm 1966, Chi bộ Thiệu Quan tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1966-1968. Đại hội đề ra nhiều nhiệm vụ quan trọng về kinh tế - xã hội và quốc phòng nhằm củng cố hậu phương vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến. Đại hội bầu Chi ủy khóa mới do đồng chí Hà Khải Phương làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Đạo làm Phó Bí thư, đồng chí Đinh Quang Tân - Chi ủy viên (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Sau Đại hội, Chi bộ xã đã lãnh đạo công tác chuẩn bị chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Vấn đề củng cố lực lượng dân quân được chú trọng. Dân quân xã bao gồm 112 đội viên do đồng chí Hoàng Văn Sìn đứng đầu được biên chế thành 1 đại đội tại chỗ (84 đồng

1. Ngày 1-7-1965, theo Quyết định của Quốc hội, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

chí) và 1 trung đội cơ động (28 đồng chí) có nhiệm vụ báo động khi có máy bay địch, sẵn sàng chiến đấu.

Để đảm bảo an toàn, bà con ra đồng, học sinh đi học đều đội mũ rơm tránh mảnh bom. Xã thành lập một đội cứu thương, vừa đảm nhận nhiệm vụ chăm lo sức khỏe cho nhân dân, vừa sẵn sàng phục vụ chiến đấu. Thuốc, võng cáng được chuẩn bị chu đáo, kịp thời phục vụ khi có tình huống xảy ra. Việc sơ tán các cơ quan, dân cư và của cải ở các khu vực trọng điểm như ven đường Quốc lộ 3, cầu Nà Phặc... đến nơi an toàn được thực hiện, nhằm hạn chế thiệt hại khi địch tập trung đánh phá ác liệt. Công tác đào hầm, hào phòng tránh được tiến hành rộng khắp. Đến cuối năm 1967, bình quân mỗi hộ gia đình có 1 căn hầm, riêng đối với trường học thì là 2 căn hầm/lớp học.

Để tiếp tục củng cố hợp tác xã, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ lãnh đạo các hợp tác xã tiến hành cải tiến quản lý vòng 2. Cán bộ chủ chốt trong 3 hợp tác xã được cử đi học, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật. Ban Quản trị các hợp tác xã lập kế hoạch quản lý và phân phối lao động, xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công, chi phí sản xuất cho từng ngành nghề. Công việc được phân công cụ thể, rõ ràng, hạn chế tình trạng chông chéo, góp phần tiết kiệm thời gian, công sức và nâng cao hiệu quả lao động. Phong trào hợp tác hóa tại địa phương phát triển vững chắc hơn, các hợp tác xã Bản Mạch và Bản Cây đã trở thành điển hình của huyện.

Đến tháng 3-1967, để đáp ứng quy mô sản xuất lớn trong nông nghiệp, các hợp tác xã Nà Này và Bản Cây được hợp nhất thành hợp tác xã lớn, lấy tên là hợp tác xã Kon Tum¹ với 2 đội sản xuất (đội 1 Bản Cây và đội 2 Nà Này) do đồng chí Hà Văn Tiệu làm Chủ nhiệm, đồng chí Lục Văn Ngáo - Phó Chủ nhiệm, đồng chí Nông Đức Cao - Kế toán. Cùng thời gian, hợp tác xã Bản Mạch cũng tiến hành Đại hội xã viên, bổ sung vào Ban Quản trị, Ban Kiểm soát nhiều cán bộ có năng lực.

Sau khi ổn định tổ chức, Ban Quản trị các hợp tác xã tổ chức cho nhân dân học tập 6 nội dung và 5 yêu cầu trong công tác quản lý, đồng thời đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất với khẩu hiệu “Sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi”. Phong trào làm phân, ủ phân, chuyên phân ra đồng được đẩy mạnh hơn so với những năm trước. Việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, cấy theo khoảng cách 20x20cm, cấy căng dây thẳng hàng, cấy ngửa tay cũng được chú ý. Bản Cây đã được Huyện ủy xây dựng làm điển hình để rút kinh nghiệm về cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp, sau đó nhân rộng mô hình ra toàn huyện.

Trong những năm 1965-1968, với khẩu hiệu “Gian khổ làm thủy lợi 3 năm để hưởng hạnh phúc lâu dài”, xã đã tiến hành sửa sang, tu bổ nhiều hệ thống mương, máng cũ đồng thời đào đắp mới một số máng tiêu lớn. Đội thủy lợi 202 của xã đã đào đắp được hàng ngàn mét khối đất

1. Hợp tác xã có tên là Kon Tum do lúc này tỉnh đã kết nghĩa anh em với tỉnh Kon Tum trong Nam.

đá, phục vụ việc làm giao thông, thủy lợi, góp phần đưa nhiều diện tích lúa trước đây chỉ cấy được 1 vụ sang 2 vụ.

Do làm tốt công tác quản lý hợp tác xã, thâm canh tăng năng suất, đưa khoa học - kỹ thuật vào đồng ruộng, kết hợp với thủy lợi nội đồng thuận lợi tưới tiêu nên từ năm 1965-1968, sản xuất nông nghiệp của địa phương đã đạt được kết quả khả quan: tăng 1,5% về diện tích và 2% về sản lượng. Sau khi phân chia cho xã viên theo công điểm, mỗi năm Thiệu Quan làm nghĩa vụ cho Nhà nước từ 37-40 tấn lương thực.

Về chăn nuôi, xã chủ trương lấy mô hình chăn nuôi gia đình là chính, đồng thời phải tổ chức theo phương thức tập thể. Hợp tác xã Kon Tum sau khi hợp nhất đã xây dựng trại nuôi bò với trên 50 con ở Bản Cây. Ngoài ra, địa phương còn phát triển nuôi cá trong 5.000m² mặt nước ở 2 ao tại Bản Cây và Nà Kéo.

Trong lâm nghiệp, theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, xã tập trung vào công tác bảo vệ rừng, đề ra các biện pháp ngăn chặn việc đốt cỏ gianh và nạn chặt cây, đốt nương làm rẫy. Bên cạnh đó, các hợp tác xã đẩy mạnh phong trào trồng cây xanh tập thể, đồng thời thành lập các đội sơn trang chuyên khai thác gỗ.

Thực hiện phong trào “Ba ngọn cờ hồng” ở nông thôn, cuối năm 1965, hợp tác xã tín dụng Thiệu Quan ra đời, Chủ nhiệm là ông Hà Sĩ Phủ, Kế toán là ông Dương Văn Nguyễn. Lúc đầu, một số quần chúng chưa thấy được lợi ích gửi tiết kiệm, sợ gửi vào thì dễ lúc lấy ra

khó khăn, phiền hà. Chi bộ, Ủy ban hành chính và các đoàn thể tích cực tuyên truyền, vận động bà con hiểu và yên tâm vào việc gửi tiết kiệm, góp phần làm cho hợp tác xã tín dụng dần đi vào ổn định, đem lại hiệu quả. Đến năm 1968, đã có trên 50% số xã viên địa phương đóng khẩu phần vào hợp tác xã tín dụng Thiệu Quan, mỗi khẩu từ 7-10 đồng.

Thời gian này, địa phương đẩy mạnh phát triển các ngành nghề, xây dựng xưởng ngói lợp ở Nà Này để phân phối sản phẩm cho các hộ xã viên. Tại ngã ba Nà Phặc, xã mở cửa hàng dịch vụ ăn uống nhằm phục vụ khách đi lại gần xa. Bên cạnh đó, các hợp tác xã cũng thành lập các tổ thợ rèn, thợ mộc nhằm cung cấp nông cụ phục vụ sản xuất, bước đầu thực hiện cơ khí hóa trong nông nghiệp bằng việc sử dụng động cơ máy tuốt lúa, máy xay xát...

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, công tác văn hóa thông tin góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nâng cao tinh thần yêu nước, xây dựng ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Các bản đều có đội văn nghệ xung kích biểu diễn, động viên nhân dân phấn khởi thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

Công tác giáo dục ở Thiệu Quan trong những năm 1965-1968 gặp rất nhiều khó khăn do trường học phải chia ra và sơ tán vào sâu trong bản. Mỗi lớp học trong một cái lán, lợp bằng tranh tre nửa lá, xung quanh là hào giao thông sâu từ 1,2-1,5m và nhiều hầm chữ A để thầy

và trò trú ẩn đề phòng trường hợp có máy bay địch hoạt động. Tuy thế, trên 90% số học sinh vẫn ngày ngày đến trường. Từ năm 1967, tỉnh Bắc Thái cho xây dựng trường cấp III tại Nà Phặc. Để đủ cơ cấu tổ chức, trường cấp I+II của xã giải thể, hệ cấp I thành trường cấp I Nà Phặc do thầy Bế Sĩ Phủ làm Hiệu trưởng¹ còn hệ cấp II sáp nhập với hệ cấp III thành trường cấp II+III Nà Phặc do thầy Vũ Trọng Vinh làm Hiệu trưởng², thầy Địch Xuân Vọng làm Hiệu phó.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng được cải thiện. Cán bộ y tế giúp nhân dân làm tốt công tác phòng và chữa bệnh, thường xuyên vận động ăn chín, uống sôi, nằm màn chống muỗi. Phong trào “ba dứt điểm” (xây dựng 3 công trình vệ sinh là hố xí, nhà tắm và giếng nước) được địa phương phát động rộng rãi và đạt kết quả tốt. Trạm xá xã được củng cố, ý thức trách nhiệm của các cán bộ y tế nâng cao hơn trước.

Trên mặt trận an ninh trật tự, phong trào thực hiện 7 nội dung bảo vệ trị an nông thôn, thực hiện khẩu hiệu “3 không”³ được đông đảo nhân dân ủng hộ. Tinh thần cảnh giác cách mạng của bà con được nâng cao, an ninh trong xã được giữ vững.

1. Các Hiệu trưởng trường cấp I Nà Phặc: Bế Sĩ Phủ (1967-1978), Nông Thị Hậu (1978-1980).

2. Từ năm 1969-1970, thầy Hà Tân Tuyên làm Hiệu trưởng trường cấp II+III Nà Phặc.

3. Không biết, không nghe, không nói.

Mặc dù luôn phải phải sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, nhưng xã Thiệu Quan vẫn làm tốt công tác tuyển quân, thể hiện truyền thống cách mạng của địa phương. Đó là những tấm gương của thanh niên còn ngồi trên ghế nhà trường, chưa đủ tuổi vẫn tình nguyện nhập ngũ, có người là chủ gia đình 3-5 con vẫn yên tâm lên đường đánh giặc. Sau lời hiệu triệu của Bác Hồ ngày 17-7-1966, khí thế tòng quân đánh giặc của thanh niên trong xã càng thêm sôi nổi.

Về công tác xây dựng Đảng, cuộc vận động xây dựng Chi bộ, đảng viên “Bốn tốt” tiếp tục được đẩy mạnh. Quần chúng tham gia phê bình đảng viên và đề xuất các ý kiến đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ. Đảng viên tiến hành tự phê bình và phê bình, nghiêm túc phát hiện và sửa sai, khắc phục những hạn chế. Qua đó, phong trào ở những nơi yếu kém có chuyển biến tích cực.

Cùng với việc nâng cao chất lượng đảng viên, Chi ủy rất coi trọng công tác phát triển Đảng. Từ trong lao động, sản xuất, nhiều đoàn viên, hội viên ưu tú được bồi dưỡng, rèn luyện và được kết nạp vào Đảng. Trong 4 năm (1965-1968), Chi bộ xã Thiệu Quan đã kết nạp thêm một số đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên lên trên 40 đồng chí.

Bên cạnh đó, Chi bộ cũng rất quan tâm tới việc xây dựng chính quyền và đẩy mạnh vận động quần chúng. Từ năm 1965-1967, đảm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã là đồng chí Đinh Quang Tân, Phó Chủ tịch là đồng chí Hoàng Văn Ngọc. Cuối năm 1967, thực

hiện Chỉ thị số 143 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Chi ủy xã Thiệu Quan tổ chức tuyên truyền, vận động cử tri hăng hái đi bầu cử. Đồng chí Đinh Quang Tân tiếp tục được Hội đồng nhân dân xã khóa mới tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính, đồng chí Hứa Văn Hà được bầu làm Phó Chủ tịch.

Mặt trận Tổ quốc xã động viên các đoàn thể thành viên và nhân dân hăng hái tham gia các phong trào trong sản xuất, chuẩn bị chiến đấu. Hưởng ứng phong trào “Ba sẵn sàng”, đoàn viên, thanh niên Thiệu Quan đi đầu nhận những công việc, nhiệm vụ khó khăn, gian khổ, vừa áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất. Đoàn xã còn đẩy lên phong trào vận động đăng ký tình nguyện xung phong đi bộ đội. Phụ nữ xã thực hiện phong trào “Ba đảm đang”, phát huy nhiệt tình cách mạng, khắc phục mọi khó khăn, đảm nhận mọi công việc để chồng con yên tâm lên đường chiến đấu. Các cụ bô lão cũng hăng hái thi đua với con cháu trong các phong trào “Ba hăng hái”, “Bạch đầu quân”. Ngoài ra, các cụ còn tham gia trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ, cây bóng mát, góp phần xây dựng chuồng trại chăn nuôi, trường học, nhà kho...

Càng leo thang chiến tranh, đế quốc Mỹ càng gặp phải nhiều thất bại nặng nề, quân và dân ta ở cả 2 miền Nam Bắc ngày càng giành thắng lợi lớn. Tháng 11-1968, đế quốc Mỹ buộc phải ngừng ném bom bắn phá toàn miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán 4 bên ở Pa-ri. Tranh thủ

thời gian không có chiến tranh, Chi bộ và nhân dân xã Thiều Quan tập trung phát triển sản xuất, tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.

2. Đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969-1972)

Ngày 3-11-1968, 2 ngày sau khi Tổng thống Mỹ tuyên bố chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước anh dũng tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Người nhấn mạnh: “Quân và dân miền Bắc quyết ra sức thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ của mình đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, luôn luôn nâng cao cảnh giác, tự lực cánh sinh, tăng cường lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu mới của địch”.

Bước vào thời kỳ mới, cán bộ và nhân dân Thiều Quan có nhiều thuận lợi cơ bản. Hoạt động của các hợp tác xã đã đi vào nề nếp, khí thế nhân dân đang lên cao, xã lại không bị tàn phá trong chiến tranh. Chi bộ xã qua 12 năm hình thành đã khẳng định được vai trò, năng lực lãnh đạo địa phương. Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng ngày càng đạt được nhiều kết quả, số lượng đảng viên tăng, đủ điều kiện thành lập Đảng bộ 2 cấp theo Điều lệ Đảng. Trên cơ sở đó, đầu năm 1969, Huyện ủy Ngân Sơn chuẩn y việc thành lập Đảng bộ xã Thiều Quan. Thời

điểm này, Đảng bộ Thiệu Quan có trên 50 đảng viên, sinh hoạt trong 4 chi bộ trực thuộc (Nà Này, Kon Tum, Nà Khoang, Bản Mạch).

Sự kiện thành lập Đảng bộ xã Thiệu Quan đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của tổ chức Đảng tại địa phương. Đây là cơ sở để Đảng bộ xã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đề ra.

Ngay sau khi thành lập, Đại hội Đảng bộ xã Thiệu Quan lần thứ I, nhiệm kỳ 1969-1970, được tiến hành. Đại hội đánh giá những kết quả đã đạt được trong các năm 1966-1968 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tiếp theo với nội dung chủ yếu: ra sức phát triển sản xuất, trọng tâm là nông nghiệp, lấy thâm canh là chính; tăng cường chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam; giữ vững an ninh trật tự, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí: Hà Khải Phương - Bí thư Đảng ủy, Hoàng Văn Đạo - Phó Bí thư, Đinh Quang Tân - Ủy viên Thường vụ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Tiếp đó, cuối năm 1970, Đảng bộ xã Thiệu Quan tổ chức Đại hội lần thứ II, nhiệm kỳ 1970-1971. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới do đồng chí Hà Khải Phương làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hoàng Văn Đạo - Phó Bí thư, đồng chí Đinh Quang Tân - Ủy viên Thường vụ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Sau các kỳ Đại hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã tranh thủ thời gian hòa bình, tích cực đẩy mạnh sản xuất. Trong 2 năm 1969-1970, sản xuất nông nghiệp của xã gặp không ít trở ngại, nguyên nhân chủ yếu là do lực lượng thanh niên đã tòng quân vào Nam hoặc tham gia thanh niên xung phong nên thiếu lao động trẻ khỏe trên đồng ruộng. Để khắc phục khó khăn, nhiều nội dung thi đua được phát động như “Hè thu chống Mỹ cứu nước” (vụ mùa 1969), “Thi đua sản xuất lập công dâng Đảng” (vụ đông xuân 1969-1970). Các khẩu hiệu “Ngày làm thêm giờ, giờ làm thêm việc”, “Làm ngày chưa đủ, tranh thủ làm đêm”... được đẩy lên sôi nổi.

Là xã có diện tích rừng tương đối lớn, Đảng bộ xã Thiệu Quan chỉ đạo các trưởng bản và đội trưởng sản xuất tổ chức cho nhân dân học tập về chính sách bảo vệ rừng của Nhà nước. Phong trào trồng cây gây rừng được chú trọng, có nhiều điển hình, nhất là trong các cụ cao niên.

Trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đang trên đà thắng lợi thì một tổn thất lớn đến với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta: ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc qua đời. Trong nỗi đau thương vô hạn, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã đã tổ chức trọng thể lễ truy điệu và để tang Người.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, Chi bộ xã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt: “Quyết tâm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, ra sức xây

dựng Đảng và phát triển kinh tế địa phương vững mạnh, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đoàn kết chặt chẽ, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Để thúc đẩy sản xuất phát triển, Thiệu Quan tiến hành củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Đến cuối năm 1971, toàn xã đã có trên 95% hộ nông dân tham gia vào hợp tác xã. Hợp tác xã tổ chức mở các lớp học tập Điều lệ hợp tác xã bậc cao, nhằm nâng cao ý thức làm chủ tập thể của xã viên và trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ. Việc phân bổ sử dụng lao động hợp lý hơn. Các đội chuyên thủy lợi, làm phân, chăn nuôi, trồng trọt... được tổ chức sắp xếp lại cho phù hợp. Các đội sản xuất được chia thành các nhóm nhỏ và khoán việc nên hoạt động có hiệu quả. Các công cụ sản xuất được bổ sung. Hợp tác xã Kon Tum đã được cấp trên đánh giá là đơn vị tiêu biểu cho sự ổn định và phát triển của huyện Ngân Sơn.

Bước vào vụ xuân năm 1972, do làm tốt công tác thủy lợi, việc cày bừa gieo mạ sớm nên đến cuối tháng 2, các hợp tác xã trong xã đã cấy hết diện tích. Cả năm 1972, năng suất lúa địa phương tăng 10% so với năm 1970, sản lượng hoa màu đạt 97% so với kế hoạch. Sau khi làm nghĩa vụ với Nhà nước, bình quân mỗi xã viên được chia 23 kg thóc/tháng.

Những năm 1971-1972, các hợp tác xã vẫn duy trì các trại chăn nuôi tập thể. Đàn gia súc lớn ngày càng phát

triển, số lượng đàn trâu tăng 2,2%, đàn bò tăng 3,8%, đảm bảo sức kéo phục vụ nông nghiệp và cung cấp thực phẩm cho nhân dân. Chăn nuôi gia đình, nhất là đàn lợn, có xu hướng giảm (1,4%) do một mặt thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ, tập trung, mặt khác vì ý thức của một bộ phận nhân dân địa phương vẫn nghĩ chăn nuôi là nghề phụ và chỉ sản xuất theo tập quán cũ (thả rông) nên chưa có sự quan tâm đầu tư đúng mức.

Hoạt động văn hóa - xã hội phát triển theo hướng tích cực, lành mạnh. Phong trào văn nghệ quần chúng diễn ra sôi động với nhiều hình thức phong phú; nếp sống văn hóa mới được xác lập; những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan bị phê phán nghiêm khắc. Phong cách đạo đức, lối sống mới dần hình thành trong các tầng lớp nhân dân.

Về giáo dục, thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác giáo dục tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặt bổ túc văn hóa lên hàng đầu. Phong trào thi đua “Hai tốt”, noi gương các trường tiên tiến, kết hợp chặt chẽ giữa học tập và lao động có bước tiến đáng kể. Từ năm 1970, hệ cấp III chuyển về trung tâm huyện lỵ Ngân Sơn, trường cấp II Nà Phặc được tái lập do thầy La Quang Hồng làm Hiệu trưởng¹ còn trường cấp I vẫn do thầy Bé Sĩ Phủ làm Hiệu trưởng.

Về y tế, hoạt động của trạm xá xã Thiều Quan từ năm 1969-1972 đã triển khai đúng hướng, toàn diện, đảm bảo

1. Từ năm 1972-1980, thầy Lý Cao làm Hiệu trưởng trường cấp II Nà Phặc.

tốt công tác phòng bệnh, chữa bệnh. Phong trào 3 công trình vệ sinh được triển khai tích cực. Nhiều nhà có điều kiện về kinh tế đã xây dựng nhà tiêu 2 ngăn, đào được giếng nước giải quyết nguồn nước sinh hoạt cho gia đình mình và các hộ lân cận.

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự được các cấp chính quyền coi trọng. Qua các đợt tuyên truyền, vận động xây dựng địa phương vững mạnh, quân và dân trong xã đều thực hiện tốt khẩu hiệu “Ba không”. Lực lượng dân quân học tập chính trị và tham gia các buổi huấn luyện chiến thuật bộ binh, kỹ thuật rà phá bom mìn, bắn máy bay địch bằng súng bộ binh... Với phương châm: “Động viên toàn dân tham gia vào nhiệm vụ xây dựng quân đội và làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc”, trong 4 năm 1969-1972, Thiệu Quan luôn hoàn thành tốt chỉ tiêu giao quân.

Trong công tác xây dựng Đảng, thực hiện Chỉ thị số 195-CT/TW và 3 cuộc vận động lớn của Bộ Chính trị, tổ chức Đảng xã Thiệu Quan đã đề ra kế hoạch, biện pháp rèn luyện, nâng cao năng lực nhận thức, tư duy, phẩm chất đạo đức cách mạng cho đảng viên trên các lĩnh vực công tác, lao động sản xuất và phục vụ chiến đấu. Qua các đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng, cán bộ, đảng viên có sự chuyển biến rõ rệt về “4 nghĩa vụ”¹, “5 dứt điểm”², khối

1. Nghĩa vụ học tập, nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước.

2. Dứt điểm về công nợ nhập hàng, chấm dứt móc ngoặc, mua bán sai chính sách, chấm dứt lấn chiếm đất hợp tác xã, chấm dứt chèn chén không chính đáng, chấm dứt tham ô và để quỹ đen tiêu riêng.

đoàn kết gắn bó trong nội bộ Đảng và giữa Đảng với nhân dân được củng cố.

Về công tác phát triển Đảng, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Đảng ta phát động đợt sinh hoạt chính trị lớn và xét kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh. Ở Thiệu Quan, từ năm 1969-1972, đã có 17 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, nâng tổng số lượng đảng viên lên 65 đồng chí.

Tháng 10-1971, Đảng bộ xã Thiệu Quan tiến hành Đại hội lần thứ III, nhiệm kỳ 1971-1972. Đại hội đã kiểm điểm đánh giá kết quả 2 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới là: Tích cực cải tạo đồng ruộng, xây dựng các công trình thủy lợi; tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành khóa mới gồm 9 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu đồng chí Đinh Quang Tân làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hứa Văn Hà - Phó Bí thư, Hoàng Văn Ngọc - Ủy viên Thường vụ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Đến tháng 11-1972, Đại hội Đảng bộ xã Thiệu Quan lần thứ IV, nhiệm kỳ 1972-1973, được tiến hành. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới do đồng chí Đinh Quang Tân giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hứa Văn Hà - Phó Bí thư, đồng chí Hoàng Văn Ngọc - Ủy viên Thường vụ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính duy trì sinh hoạt đều đặn. Chất lượng chỉ đạo sản xuất, chấp hành chính sách và quản lý mọi mặt đời sống được nâng cao. Mặt trận Tổ quốc tăng cường khôi đại đoàn kết toàn dân. Các đoàn thể quần chúng trong khối Mặt trận đẩy mạnh thi đua. Phong trào làm phân xanh bón ruộng, nuôi bò hoa dâu của Đoàn Thanh niên diễn ra sôi nổi, rộng khắp, thu hút đông đảo thanh niên tham gia. Hội Phụ nữ vận động hội viên tích cực lao động, sản xuất, động viên chồng, con lên đường tòng quân cứu nước. Chị em trở thành lực lượng lao động chủ chốt của xã, đảm nhiệm hầu hết các công việc nặng nhọc như cày, bừa, lợp nhà...

Ngày 6-4-1972, Tổng thống Mỹ Ních xon tuyên bố ném bom trở lại miền Bắc. Với tinh thần chủ động, xã Thiệu Quan nhanh chóng chỉ đạo công tác phòng không nhân dân và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Hầm, hào được tu sửa, đào mới. Nhà cửa, trụ sở ủy ban... được nguy trang. Các tổ cứu hỏa, cứu thương được tổ chức lại. Hệ thống loa đài, còi báo động đều được kiểm tra, tập dượt kỹ càng, đảm bảo liên lạc kịp thời và thông suốt. Hợp tác xã tổ chức phân bổ lao động, đảm bảo vừa có người đi chiến đấu, vừa có người tham gia sản xuất.

Cuối tháng 12-1972, quân và dân ta đã lập chiến công vang dội đánh bại cuộc tập kích bằng không quân của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh lân cận, buộc chúng phải chấm dứt chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, ký Hiệp định Pa-ri về lập lại hòa bình ở Việt Nam

(ngày 27-1-1973). Từ đây, nhân dân Thiều Quan tiếp tục cùng cả nước tiếp tục xây dựng quê hương, góp phần chi viện cho tiền tuyến cho đến ngày toàn thắng.

3. Đẩy mạnh sản xuất, tích cực chi viện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973-1975)

Cuộc tập kích chiến lược B52 cuối năm 1972 thất bại thảm hại buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pa-ri chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Song với bản chất ngoan cố, tuy đã rút hết quân viễn chinh về nước Mỹ vẫn tiếp tay cho chính quyền Sài Gòn tiếp tục âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Trước những biến chuyển căn bản của cách mạng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21, ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của miền Bắc là: “Ra sức khôi phục và phát triển nền kinh tế quốc dân”, “tiếp tục làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam”.

Nhằm quán triệt thực hiện chủ trương của Đảng, tháng 9-1973, Đảng bộ xã Thiều Quan tiến hành Đại hội lần thứ V, nhiệm kỳ 1973-1975, với sự tham gia của 65 đảng viên. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới với trọng tâm là tranh thủ điều kiện hòa bình, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục là hậu phương vững chắc cho miền Nam ruột thịt... Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 9 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí: Triệu Văn Pạ - Bí thư Đảng ủy, Hứa Văn Hà - Phó Bí thư,

Hoàng Văn Ngọc - Ủy viên Thường vụ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Để có nguồn lực chi viện cho tiền tuyến, chính quyền xã Thiệu Quan đẩy mạnh phát triển kinh tế trên các lĩnh vực. Vụ xuân năm 1973, thời tiết không thuận lợi, rét đậm kéo dài, làm cho nhiều diện tích mạ, cùng với đàn trâu, bò bị chết rét, gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất. Đảng bộ đã chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể quan tâm, giúp đỡ nhân dân, tiến hành hỗ trợ nông cụ sản xuất và thóc gạo cứu đói các gia đình bị thiệt hại để khắc phục khó khăn, ổn định đời sống. Cùng với đó, hợp tác xã đẩy mạnh đưa các giống mới như Trâu Châu lùn, Nông nghiệp 8 vào gieo trồng, chiếm trên 80% diện tích. Phong trào làm bèo hoa dâu, lấy bùn ủ khô, rải vôi bột cải tạo đất được phát động rộng rãi. Do vậy, đến năm 1975, xã đã đạt năng suất lúa bình quân 25 tạ/ha.

Việc chăn nuôi trâu, bò lấy sức kéo phục vụ cho nông nghiệp được đẩy mạnh. Xã còn tập trung phát triển đàn lợn, đàn gà, vịt tại các hộ gia đình nhằm đảm bảo lượng thực phẩm phục vụ cho nhân dân địa phương và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Những kỹ thuật chăn nuôi mới cũng được cán bộ xuống từng bản để hỗ trợ bà con. Tuy nhiên, kết quả còn nhiều hạn chế do những năm 1974-1975, xảy ra nhiều đợt dịch bệnh trong khi công tác thú y chưa phát triển khiến nhiều gia súc, gia cầm bị chết.

Căn cứ vào Chỉ thị 39-CT/TU của Tỉnh ủy Bắc Thái, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, Đảng bộ và

chính quyền xã đã có nhiều chủ trương, biện pháp bảo vệ rừng như hạn chế phát triển kinh tế phụ gia đình ngoài quy định, tiến hành khoanh nuôi đất rừng giao cho các hợp tác xã quản lý. Ngành lâm nghiệp một mặt tích cực tuyên truyền pháp lệnh bảo vệ rừng, mặt khác đẩy mạnh công tác tu bổ, khai thác rừng có kế hoạch. Mặc dù vậy, do nhân dân còn coi việc đốt, phát rừng là chuyện bình thường nên hiện tượng phá rừng vẫn xảy ra ở một số nơi.

Để đẩy mạnh phong trào “Ba ngọn cờ hồng”, cuối năm 1973, Đảng bộ Thiệu Quan chỉ đạo việc thành lập hợp tác xã mua bán do ông Lục Văn Ngáo làm Chủ nhiệm, ông Triệu Văn Pạ - Phó Chủ nhiệm, ông Hứa Văn Bình - Kế toán, ông Dương Văn Nguyễn - nhân viên bán hàng. Ban đầu, hợp tác xã mua bán gặp không ít khó khăn khi nguồn vốn không có, nguồn hàng chủ yếu từ huyện rút về, mang tính chất là cửa hàng ủy thác của huyện. Qua từng bước củng cố ổn định tổ chức và vận động dân góp vốn cổ phần, đến cuối năm 1974, hợp tác xã mua bán Thiệu Quan đã vận động đa số hộ trong xã đóng góp cổ phần và xây dựng được cửa hàng mua bán tại trụ sở Ủy ban xã bây giờ.

Hoạt động giáo dục đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt”, tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên và chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh. Năm học 1973-1974, tỷ lệ học sinh cấp I lên lớp đạt 74%, cấp II đạt 78%. Từ năm 1973-1975, số lượng học sinh cấp I tăng 6,8%, cấp II tăng 10%. Y tế xã trong những năm 1974-1975 đã đạt kết quả quan trọng: công tác vệ sinh phòng bệnh được tăng

cường, trạm xá bảo đảm điều trị bệnh phục vụ cho nhân dân kịp thời.

Phong trào xây dựng lối sống mới đã cuốn hút đông đảo người dân tham gia. Nhân dân trong các bản nêu cao tinh thần đoàn kết, yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Các hoạt động văn hóa văn nghệ quần chúng diễn ra rất sôi nổi, đáp ứng nhu cầu tinh thần phong phú của nhân dân.

Từ thời chiến chuyển sang thời bình, lực lượng công an và dân quân xã được học tập chính trị để thông suốt chủ trương của cấp trên đề ra trong hoàn cảnh mới. Trong 3 năm (1973-1975), Thiệu Quan đã hoàn thành 6 đợt tuyển quân với gần 100 người nhập ngũ.

Để nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ triển khai việc thực hiện Chỉ thị 192-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Qua đó, ý thức, trách nhiệm của đảng viên được nâng lên. Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn có nhiều tiến bộ. Việc phê bình và tự phê bình được thực hiện nghiêm túc. Nội bộ Đảng đoàn kết, sinh hoạt đều đặn.

Gắn với cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, công tác phát triển Đảng được chú trọng. Đảng ủy tổ chức giáo dục, bồi dưỡng lý luận nhận thức về Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, mục đích lý tưởng phấn đấu cho thanh niên, để lựa chọn những quần chúng ưu tú đưa vào hàng ngũ Đảng. Từ năm 1973-1975, Đảng bộ xã Thiệu Quan đã kết nạp thêm 14 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên lên gần 80 đồng chí.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, chính quyền thường xuyên được củng cố và kiện toàn. Các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp đều có trên 95% cử tri tham gia bỏ phiếu. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đều đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... tiến hành nhiều hoạt động thiết thực, giúp đỡ các gia đình chính sách như làm nhà cửa, đóng giường tủ, bàn ghế, mua quần áo, chăn màn...

Trên chiến trường miền Nam, cách mạng chuyển biến mau lẹ. Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, thành phố Sài Gòn và miền Nam hoàn toàn giải phóng, sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta kết thúc vẻ vang. Niềm vui giang sơn quy về một mối đã tràn ngập khắp các bản và từng gia đình trên địa bàn xã.

Trong chặng đường hơn 20 năm (1954-1975) vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa sẵn sàng chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, Chi bộ (từ năm 1969 trở đi là Đảng bộ) và nhân dân xã đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh và đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng. Từ năm 1954-1957, Cao Thành thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh; bước đầu xác lập quan hệ sản xuất mới bằng việc xây dựng các tổ đổi công. Từ năm 1958-1960, địa phương đẩy quan hệ sản xuất mới phát triển thêm một bước, thành lập được các hợp tác xã nông nghiệp quy mô liên bản. Trong 5 năm

(1961-1965), Thiệu Quan bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Từ năm 1965-1975, nhân dân xã vừa sản xuất, vừa tăng cường chi viện sức người, sức của cho miền Nam.

Trải qua những thử thách đầy khó khăn của hơn 20 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, diện mạo quê hương có sự thay đổi tích cực. Các mặt của sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi... phát triển khá đồng đều. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao. Văn hóa, y tế, giáo dục có những bước tiến mới. Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể không ngừng được củng cố và kiện toàn. Ban Công an xã được tăng cường, đảm bảo trật tự an ninh. Lực lượng dân quân thường xuyên được huấn luyện, trang bị thêm vũ khí, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Hơn 20 năm (1954-1975) lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ quê hương, tổ chức Đảng địa phương ngày càng phát triển và trưởng thành. Năm 1957, Chi bộ xã được thành lập, đến năm 1969 đã phát triển trở thành Đảng bộ. Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, đảng viên "Bốn tốt", các đợt học tập nghị quyết của Trung ương Đảng đã thực sự làm cho Đảng bộ ngày càng vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Hầu hết đảng viên đều nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng, gương mẫu trong tư tưởng, hành động, trưởng thành trong lãnh đạo, quản lý và điều hành.

Từ năm 1954-1975, với tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", xã đã

tế - xã hội từng bước được đầu tư xây dựng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo được rèn luyện trong thực tiễn và ngày một trưởng thành.

Bên cạnh những thuận lợi, Đảng bộ và nhân dân xã Thiệu Quan cũng gặp một số khó khăn, phức tạp mới. Hòa bình lập lại, tư tưởng “nghỉ ngơi, hưởng thụ” nảy sinh trong nhân dân và ngay trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Cơ chế quản lý tập trung, bao cấp không còn phù hợp và bắt đầu bộc lộ những hạn chế. Đội ngũ cán bộ tuy nhiệt tình trong công việc, nhưng năng lực chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Thực tế đó đòi hỏi Đảng bộ xã phải tích cực đổi mới, vươn lên để hoàn thành những nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tháng 11-1975, Đảng bộ Thiệu Quan tiến hành Đại hội lần thứ VI (nhiệm kỳ 1975-1977). Trên cơ sở tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 1973-1975, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 1975-1977: tập trung phát triển kinh tế, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với củng cố lực lượng dân quân, công an, sẵn sàng đập tan âm mưu của kẻ thù, làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; tăng cường công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 9 đồng chí. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí: Hà Khải Phương - Bí thư Đảng

ủy, Hứa Văn Hà - Phó Bí thư, Hoàng Văn Ngọc - Ủy viên Thường vụ (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Xác định nông nghiệp là mặt trận chính trong phát triển kinh tế, Đảng ủy lãnh đạo các hợp tác xã tiến hành thực hiện nhiều biện pháp kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất. Xã viên thực hiện thu chiêm làm mùa nhanh, đúng kỹ thuật, tận dụng và khai thác tối đa diện tích đất đai, không để xảy ra tình trạng đất bỏ hoang, đồng thời mở rộng diện tích làm cây vụ đông và cây hoa màu. Nhờ vậy, vụ mùa năm 1975, năng suất lúa tăng lên 2,7 tấn/ha.

Tháng 12-1976, Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội tổng kết sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, đồng thời đề ra đường lối chung cho thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và những mục tiêu cụ thể của kế hoạch 5 năm 1976-1980 nhằm xây dựng một bước cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân lao động.

Dưới sự hướng dẫn của Phòng Nông nghiệp huyện, cán bộ, xã viên hợp tác xã tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp. Hợp tác xã tổ chức nghiên cứu đặc điểm thổ nhưỡng của từng vùng chân ruộng để xác định cơ cấu giống lúa cho từng vụ, cơ cấu lúa với màu, thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp thâm canh. Trên cơ sở đó, những giống lúa thích nghi với khí hậu, thổ nhưỡng trên địa bàn, cho năng suất cao dần trở thành giống lúa chính trong các mùa vụ tiếp theo.

Bên cạnh những thành tích đạt được, phong trào hợp tác xã bậc cao ở Thiệu Quan còn bộc lộ hạn chế: việc phân phối bằng hiện vật thông qua thước đo bằng công điểm đã tách người lao động ra khỏi sản phẩm cuối cùng và làm nảy sinh một số tiêu cực như hiện tượng rong công, phóng điểm khá phổ biến. Hợp tác xã tập trung điều hành mọi khâu trong khi phương tiện, điều kiện quản lý chưa phù hợp với quy mô dẫn đến tình trạng trì trệ trong sản xuất.

Trước tình hình đó, tháng 10-1977, Đại hội Đảng bộ xã Thiệu Quan lần thứ VII (nhiệm kỳ 1978-1979) được tiến hành. Nghị quyết của Đại hội đề ra nhiều biện pháp nhằm khắc phục những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, xúc tiến các chương trình kinh tế, đảm bảo đời sống dân sinh. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới do đồng chí Dương Văn Nguyễn làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hoàng Văn Ngọc làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Bước vào triển khai Nghị quyết Đại hội, Đảng ủy tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao tinh thần làm chủ hợp tác xã cho cán bộ, xã viên. Đồng thời, thực hiện Chỉ thị số 208-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và cải tiến một bước quản lý nông nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”, tháng 11-1977, các hợp tác xã Kon Tum và Bản Mạch được hợp nhất thành hợp tác xã toàn xã. Ngay sau đó, Đại hội xã viên được tổ chức, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trước mắt và bầu Ban Quản trị hợp tác xã do đồng chí Hứa Văn Hưởng (cán bộ Huyện

ủy tăng cường) làm Chủ nhiệm, đồng chí Triệu Văn Pạ làm Phó Chủ nhiệm, đồng chí Hoàng Văn Hộ - Kế toán.

Sau khi ổn định tổ chức, Ban Quản trị hợp tác xã tổ chức cho nhân dân học tập 6 nội dung và 5 yêu cầu trong công tác quản lý, xây dựng các đội sản xuất và đội chuyên. Hợp tác xã tiếp tục áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào cải tiến nông cụ, mở rộng diện tích. Diện tích đất 5% hợp tác xã chia cho xã viên, bình quân 100 m²/khẩu chủ yếu được bà con trồng lúa 2 vụ để tăng thu nhập cho gia đình, nhất là đối tượng có hoàn cảnh khó khăn hoặc thiếu lao động chính.

Về chăn nuôi, hợp tác xã tiến hành quy hoạch lại hệ thống chuồng trại cũ, đồng thời xây dựng một số cơ sở vật chất dựa trên nguồn vốn của hợp tác xã. Năm 1978, xã có 3 trại nuôi lợn với quy mô trung bình 120 con/trại. Đàn trâu, bò được chăm sóc, vỗ béo, đảm bảo sức kéo. Ngoài ra, nhân dân còn phát triển nuôi gà, vịt và thả cá.

Do cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp nên Đảng bộ và chính quyền xã rất quan tâm, phát triển các nghề phụ. Việc phát triển tiểu thủ công nghiệp và nghề phụ gắn liền với nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp phát triển và dựa vào nông nghiệp để đi lên. Sản phẩm làm ra trước tiên phục vụ nhu cầu của địa phương, sau đó phần nào hỗ trợ và trao đổi với các khu vực khác. Các nghề phụ chủ yếu thời gian này là gạch ngói, dịch vụ ăn uống...

Trong xây dựng cơ bản, xã Thiệu Quan đã tập trung nguồn nhân lực lớn, xây dựng và tu bổ nền móng kết cấu hạ tầng như hệ thống đường giao thông liên bản, liên xã,

đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Nhiều công trình thủy lợi, công trình phúc lợi công cộng như nhà kho, sân phơi, chuồng trại được xây dựng.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có bước phát triển khá. Sự nghiệp giáo dục có những bước chuyển biến rõ rệt về số lượng và chất lượng. Số lượng học sinh giỏi và học sinh tiên tiến mỗi năm một tăng, phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được duy trì thường xuyên. Đến năm 1980, các trường cấp I và cấp II tại địa phương được sáp nhập thành trường cấp I+II do thầy Địch Xuân Vọng làm Hiệu trưởng¹. Cơ sở vật chất của trạm xá xã được xây dựng khang trang hơn, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Phong trào xây dựng 3 công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm, hố vệ sinh hai ngăn) được triển khai đầy đủ. Từ năm 1979, viện 36 được xây dựng tại địa phương, sau đổi thành viện 83, nhằm phục vụ trực tiếp cho cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc².

Thực hiện các nghị quyết Huyện ủy về công tác quân sự địa phương, Đảng bộ xã Thiệu Quan lãnh đạo tăng cường xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ở các bản. Ban Công an xã thường xuyên tuần tra, canh gác, giữ vững an ninh chính trị, không để xảy ra gây rối. Phong trào toàn

1. Các Hiệu trưởng của trường cấp I+II: Địch Xuân Vọng (1980-1981), Bế Toàn (1981-1982), Nguyễn Quang Giang (1982-1990), Triệu Quang Thâm (1990-1992), Nông Văn Phú (1993-1994).

2. Đến những năm 1980, viện 83 được bàn giao cho Trung đoàn 750 quản lý.

dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển rộng khắp với 2 khẩu hiệu “Bảo mật phòng gian” và “Trật tự trị an”. Ngoài việc giữ gìn an ninh, dân quân và công an, trong đó có nhiều đảng viên trẻ, còn là lực lượng dự bị động viên, sẵn sàng bổ sung cho quân thường trực hàng năm.

Đến cuối năm 1979, Đảng bộ xã Thiệu Quan tiến hành Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1980-1982. Trước tình hình đang xảy ra ở biên giới, Đại hội đề ra các biện pháp ổn định sản xuất, tập trung huy động sức người, sức của cho chiến trường. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới do đồng chí Dương Văn Nguyên làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Mã Văn Cầu làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Thời kỳ này, Đảng bộ Thiệu Quan tổ chức cho đảng viên học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (năm 1976), Thông tri 22-TT/TW (năm 1977), Chỉ thị 72-CT/TW (năm 1979)... Thông qua những đợt sinh hoạt chính trị, nhận thức về trách nhiệm của từng đảng viên được nâng lên. Đối với những đảng viên không đủ phẩm chất, Đảng bộ kiên quyết đưa ra khỏi Đảng. Những đảng viên còn yếu về năng lực được Đảng bộ giúp đỡ vươn lên.

Về công tác phát triển Đảng, Đảng bộ chú trọng bồi dưỡng những quần chúng ưu tú để giới thiệu kết nạp Đảng. Tính từ năm 1975-1980, Đảng bộ xã Thiệu Quan đã kết nạp được một số đảng viên, tiếp nhận thêm nhiều đảng viên quân đội phục viên sau chiến tranh trở về quê hương, nâng số lượng đảng viên lên 117 đồng chí.

Trong quá trình đưa chủ trương của Đảng trở thành hiện thực cuộc sống, chính quyền và các đoàn thể có vai trò rất quan trọng. Qua 2 kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp năm 1977 và 1979, Ủy ban hành chính xã được củng cố, phát huy được chức năng của tổ chức, thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc phát huy vai trò tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, vận động mọi tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua lao động, sản xuất. Đoàn Thanh niên với phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” thu hút nhiều lượt đoàn viên, thanh niên tình nguyện đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tham gia các đội xung kích làm thủy lợi, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tổ chức giáo dục thiếu niên, nhi đồng... Hội Phụ nữ với phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” động viên chị em thi đua khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, động viên chồng con đi bộ đội, giúp đỡ các con em liệt sỹ. Hội Nông dân tập thể hướng dẫn hội viên phát huy quyền làm chủ tập thể và chấp hành điều lệ hợp tác xã nông nghiệp.

Giữa lúc đồng bào các dân tộc Thiều Quan cùng nhân dân cả nước đang tích cực thực hiện những mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1976-1980), thì ngày 17-2-1979, Trung Quốc tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Để giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, cuộc chiến đấu bảo vệ Biên giới phía Bắc bùng nổ. Thực hiện Lệnh Tổng động viên của Chủ tịch nước, toàn xã dấy lên khí thế tuyền quân vào bộ

đội như những ngày kháng chiến chống Mỹ. Thanh niên sẵn sàng gia nhập quân đội, chị em phụ nữ phát huy truyền thống “Ba đảm đang”, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc khi người thân lên đường chiến đấu. Thiều Quan là một trong những xã hoàn thành chỉ tiêu do cấp trên quy định với hơn 45 người nhập ngũ trong 3 đợt tuyển quân năm 1979 (trong đó có 9 người tái ngũ).

Bên cạnh đó, một bộ phận dân quân và dân công địa phương gồm 130 người được điều động lên biên giới phục vụ chiến đấu, xây dựng hầm, hào công sự tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Xã cũng là địa điểm nhiều cơ quan của Cao Bằng tản cư xuống như Tỉnh ủy tại Nà Kèng, Sở Công an, Ngân hàng tỉnh tại Nà Pán, Sở Giao thông tại Cốc Pái, Sở Thương nghiệp ở tiểu khu 3, Đoàn Thanh niên tại Nà Này... Ngoài ra, hàng nghìn bà con nhân dân Cao Bằng cùng một số lượng lớn cán bộ, công nhân, viên chức cũng di chuyển tới, tạo điều kiện cho Đảng bộ và chính quyền xã được bổ sung thêm nhiều đảng viên và cán bộ giàu kinh nghiệm như các đồng chí Nông Văn Loòng, Long Văn Toi... Song mặt khác, đưa đến những khó khăn trong việc bố trí nơi sinh hoạt và điều kiện lao động, sản xuất do diện tích đất đai có hạn nhưng địa phương phải tiếp rất nhiều nông dân thiếu đất, lực lượng lao động tăng lên đột biến... Đây chính là những “cơ hội” và “thách thức” của Nà Phặc với vai trò là hậu phương trực tiếp cho cuộc chiến đấu bảo vệ Biên giới phía Bắc trong suốt những năm 1979-1989.

2. Thị trấn Nà Phặc được thành lập, bước đầu thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp (1980-1985)

Ngày 8-10-1980, Hội đồng Chính Phủ ra Quyết định số 332-CP về điều đình địa giới hành chính một số xã và thị trấn của tỉnh Cao Bằng. Theo đó, thị trấn Nà Phặc được thành lập bao gồm toàn bộ diện tích của xã Thiều Quan và các bản Cốc Pái, Nà Tò, Nà Kèng, Nà Làm, Nà Duồng, Khuổi Tinh của xã Trung Hòa cùng huyện chuyển sang. Lúc này, Nà Phặc có gần 700 hộ với trên 4.000 nhân khẩu.

Bộ máy chính quyền và các đoàn thể của thị trấn được hoàn chỉnh gồm: ông Mã Văn Cầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, ông Dương Văn Tấn làm Chỉ huy trưởng quân sự, ông Hoàng Ngọc Vân làm Trưởng Công an, ông Trần Văn Kỷ làm Bí thư Đoàn Thanh niên, bà Triệu Thị Sắc là Hội trưởng Hội Phụ nữ. Cùng với đó, Đảng bộ thị trấn cũng được thành lập do đồng chí Dương Văn Nguyễn làm Bí thư Đảng ủy.

Khi hầu hết các cơ quan chủ chốt của tỉnh Cao Bằng sơ tán xuống địa bàn, thị trấn Nà Phặc được thành lập là để xây dựng hậu cứ an toàn, phục vụ lâu dài cho chiến đấu bảo vệ Biên giới phía Bắc. Hơn nữa, Nà Phặc là nơi tập trung đông người, có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông nên có điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Nhân dân trên địa bàn có nguồn gốc từ các xã Thiều Quan, Trung Hòa và nhiều cán bộ công nhân, viên chức ở Cao Bằng vốn có truyền thống lao động, yêu quê hương, đất nước, đoàn kết một lòng theo Đảng, luôn phát huy

sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân nhằm xây dựng địa phương ngày càng vững mạnh.

Ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp”. Chỉ thị 100 nêu rõ mục đích của việc tiến hành khoán sản phẩm là nhằm kích thích tăng năng suất lao động, nâng cao thu nhập và đời sống của xã viên, tăng tích lũy của hợp tác xã. Nội dung cụ thể của Chỉ thị tập trung vào việc cải tiến và mở rộng công tác khoán sản phẩm; hướng dẫn đội sản xuất và giao cho xã viên đảm nhiệm 3 khâu (cấy, chăm sóc, thu hoạch) vì đó là những công việc dựa vào cách làm thủ công, lao động từng người có thể làm tốt hơn, hợp tác xã tổ chức 5 khâu (làm đất, giống, phân bón, thủy lợi, phòng trừ sâu bệnh).

Chủ trương lớn này nhanh chóng được triển khai ở Nà Phặc. Đảng bộ thị trấn đã tổ chức nghiên cứu và học tập cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Qua việc học tập, thảo luận Chỉ thị 100, tuy vẫn có một số vướng mắc, nhưng nhìn chung cán bộ, đảng viên và nhân dân đều nhận thức được chế độ khoán mới cơ bản xóa những bất cập trong phân phối sản phẩm, lợi ích người lao động được đảm bảo và đây chính là cơ sở để họ yên tâm, phấn khởi tập trung vào sản xuất.

Từ năm 1977, Nà Phặc có 1 hợp tác xã, 1 Ban Quản trị, song với quy mô rộng, công tác điều hành sản xuất gặp nhiều khó khăn. Để phù hợp với tình hình thực tế, tháng

9-1981, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc quyết định giải thể hợp tác xã Thiều Quan và thành lập 3 hợp tác xã là: hợp tác xã Kon Tum do đồng chí Hà Văn Tiệu làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Bản Mạch do đồng chí Triệu Văn Lý làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Nà Này do đồng chí Lục Văn Ngáo làm Chủ nhiệm. Ngoài ra, còn có hợp tác xã Quyết Thắng bao gồm các bản của xã Trung Hòa vừa mới sáp nhập do đồng chí Hoàng Quốc Hồi làm Chủ nhiệm.

Chính sách khoán mới tạo ra động lực thúc đẩy nhân dân hăng hái lao động, sản xuất, khuyến khích tinh thần dám nghĩ dám làm. Xã viên tự giác đầu tư thêm công lao động, phân bón để đạt năng suất cao. Không chỉ chú trọng trồng lúa, nhân dân còn đẩy mạnh trồng các loại cây hoa màu. Màu xanh của ngô, khoai lang, sắn, đậu tương và các loại rau màu khác được phủ kín trên 20% diện tích canh tác của thị trấn.

Trong lúc nhân dân cả nước đang tích cực thực hiện Chỉ thị 100, tháng 3-1982, Đảng tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. Đại hội xác định: “Trong 5 năm 1981-1985 và những năm 80, cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu”.

Đảng bộ thị trấn tiến hành đợt sinh hoạt chính trị học tập, quán triệt Nghị quyết của Đại hội Đảng. Qua đó làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng những thành tựu đạt được, thấy rõ nguyên nhân khách quan và những thiếu sót chủ quan, tạo niềm tin vững chắc, khắc phục những tư tưởng hoài nghi, dao động trước khó khăn, nêu cao phẩm chất của người cán bộ, đảng viên.

Tháng 5-1982, Đại hội Đảng bộ thị trấn Nà Phặc lần thứ IX, nhiệm kỳ 1982-1984, được tổ chức. Đại hội dành nhiều thời gian để phân tích tổng thể tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trên cơ sở đó đề ra phương hướng cho nhiệm kỳ 1982-1984, trọng tâm là thực hiện Chỉ thị 100 trong sản xuất nông nghiệp. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm có 9 ủy viên. Đồng chí Triệu Văn Pạ được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Dương Văn Tần làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Để thực hiện Chỉ thị 100 đạt kết quả cao hơn, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thị trấn chỉ đạo hợp tác xã rà soát, quản lý chặt chẽ diện tích đất canh tác, định mức sản lượng đối với từng loại ruộng, bảo đảm việc giao khoán, định mức khoán một cách công bằng, hợp lý; đồng thời tập trung tổ chức thực hiện tốt các khâu do hợp tác xã đảm nhiệm, tăng cường kiểm tra, đôn đốc xã viên thực hiện các khâu sản xuất và giao nộp sản phẩm theo quy định của cơ chế khoán. Nhờ vậy, từ năm 1981-1983, năng suất lúa của Nà Phặc đạt 3 tấn/ha/năm, tăng 0,4 tấn so với khi chưa có Chỉ thị 100; cả 5 hợp tác xã đã hoàn thành các chỉ tiêu thuế và nghĩa vụ cho Nhà nước, mỗi năm đóng góp 60-77 tấn thóc.

Nhờ sản xuất lương thực được ổn định, chăn nuôi có những bước tiến mới, số lượng đàn vật nuôi đều tăng, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân. Trong giai đoạn 1981-1985, bình quân hàng năm đàn trâu tăng 5%, đàn bò tăng 7%, đưa tổng số trâu, bò của thị trấn sau 5 năm lên 675 con. Đàn lợn tăng bình quân 8% với 1.325 con.

Do dựa vào nông nghiệp để đi lên, tiểu thủ công nghiệp cũng đã khắc phục dần những khó khăn và giữ vững được nhịp độ sản xuất. Từ năm 1981-1985, các hợp tác xã đã cho ra lò hàng chục vạn viên gạch, ngói. Hoạt động dịch vụ cũng có bước phát triển với 33 hàng quán, cửa hàng bách hóa... tại các khu vực ngã ba Nà Phặc và ven đường Quốc lộ 3.

Thực hiện các nghị quyết của Tỉnh ủy về tăng cường bảo vệ và đẩy mạnh công tác giao đất giao rừng tới nhân dân, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc lãnh đạo nhân dân và các ban ngành chức năng trong việc ngăn chặn các hành vi chặt phá rừng trái phép, tổ chức các lực lượng sản xuất bảo vệ. Tuy nhiên, nạn đốt nương làm rẫy vẫn diễn ra tràn lan. Các khu rừng tại các bản vùng cao người Dao hoặc người Mông mới di cư đến bị phá hoại nghiêm trọng khiến cho số lượng đồi trọc tăng lên, nguy cơ lũ quét và sạt lở đất xảy ra luôn thường trực.

Cùng với thắng lợi trên mặt trận kinh tế, công tác văn hóa - xã hội có những bước tiến khá hơn so với giai đoạn trước. Thực hiện Nghị quyết 14-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, trường cấp I+II bắt đầu thay sách giáo khoa ở các lớp học. Phong trào thi đua "Hai tốt" đã trở thành động lực thúc đẩy sự nghiệp giáo dục. Năm 1982, trường cấp III Nà Phặc được thành lập do thầy Hoàng Tuần làm Hiệu trưởng, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho con em của quê hương trong việc nâng cao trình độ học vấn.

Thực hiện Nghị quyết 159-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa mới,

việc cưới, việc tang ở Nà Phặc được tổ chức đơn giản, tiết kiệm. Công tác thông tin góp phần phổ biến, tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho quần chúng nhân dân. Đặc biệt, đối với bộ phận giáo dân Thiên Chúa giáo và người Mông theo đạo Tin Lành mới đến, Đảng bộ và chính quyền xã đã giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên, kịp thời làm tốt công tác vận động quần chúng, tranh thủ đội ngũ già làng, chức sắc; kiên quyết đấu tranh với các hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng, vi phạm chính sách, pháp luật Nhà nước. Nhờ vậy, đồng bào theo đạo nhanh chóng hòa nhập với địa phương, tích cực tham gia sản xuất, thực hiện khẩu hiệu “Sống tốt đời đẹp đạo”.

Trạm xá cũng được tăng thêm nhân viên và cơ sở vật chất, đảm bảo công tác hướng dẫn vệ sinh, phòng dịch trong nhân dân. Cán bộ y tế được nâng cao thêm về nghiệp vụ, hàng năm tiến hành khám và điều trị cho hàng trăm lượt người. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho bà mẹ và trẻ em bước đầu được chú ý. Năm 1982, phòng khám đa khoa huyện được xây dựng tại địa phương.

Công tác xây dựng Đảng được tiến hành thường xuyên, liên tục. Năm 1981, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển đảng viên đợt 1. Trong công tác chuẩn bị, Ban Chấp hành Đảng bộ tổ chức quán triệt đến từng chi bộ Đảng và toàn thể đảng viên về mục đích, yêu cầu, các bước thực hiện, nội dung của đợt phát triển nên quá trình

triển khai được tổ chức chặt chẽ, đúng nguyên tắc. Ngay trong đợt đầu tiên, địa phương đã có trên 100 đồng chí được nhận thẻ Đảng.

Trong giai đoạn 1980-1985, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc đã gửi một số đối tượng đi học các lớp bồi dưỡng về Đảng và phát triển thêm đảng viên mới. Ngoài ra, còn có một số lớn đảng viên quân đội chuyển về. Bởi thế, số lượng đảng viên tăng lên khá nhanh, đến cuối năm 1985, Đảng bộ đã có 153 đảng viên.

Hàng năm, Đảng ủy đều tiến hành kiểm điểm, phê bình và phân loại đảng viên chặt chẽ. Năm 1985, Đảng bộ có 67% đồng chí đạt loại I, 21% đạt loại II, 7% loại III, còn lại là những đảng viên loại IV cần phải xem xét lại tư cách, có thể bị đưa ra khỏi Đảng. Bên cạnh đó, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy cũng đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định. Qua đó, xử lý những đảng viên không còn đủ tư cách; giáo dục, rèn luyện những trường hợp còn yếu kém về mặt nhận thức và phẩm chất, năng lực để vươn lên. Bởi thế, sức chiến đấu của tổ chức Đảng địa phương ngày càng tăng.

Năm 1984, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc tổ chức Đại hội lần thứ X, nhiệm kỳ 1984-1986. Đại hội đánh giá những thành tựu kinh tế - xã hội, những tồn tại hạn chế trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp ủy Đảng, chính quyền, có biện pháp tích cực tháo gỡ những vướng mắc trong nông nghiệp, nhất là việc thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Đại hội tiến hành bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1984-1986

do đồng chí Triệu Văn Pạ giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Dương Văn Tẩn làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được củng cố, tổ chức tốt các kỳ họp, quyết định một số chủ trương, chính sách, thể chế hóa nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng bộ, phát huy chức năng chính quyền trong việc quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước. Năm 1984, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân trên địa bàn diễn ra thành công với gần 100% cử tri đi bầu. Trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân thị trấn bầu đồng chí Dương Văn Tẩn làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc thị trấn trong giai đoạn 1981-1985 hướng nhiệm vụ trọng tâm vào xây dựng khối đoàn kết toàn dân, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa mới.

Đoàn Thanh niên thị trấn do các đồng chí Trần Văn Kỷ, Hoàng Văn Tấn làm Bí thư, góp phần xứng đáng vào phong trào xung kích làm chủ tập thể, tập hợp được đông đảo thanh niên làm nòng cốt trong sản xuất, rèn luyện thân thể, huấn luyện quân sự và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra, thanh niên cũng tham gia các chiến dịch làm thủy lợi, xây dựng đời sống văn hóa và chăm sóc thiếu niên, nhi đồng.

Hội Nông dân tập thể do đồng chí Dương Văn Slur làm Chủ tịch tích cực động viên nông dân chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vận động nhân dân thực hiện tổ chức lại sản xuất, khoán

sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Hội còn tổ chức phong trào đăng ký “Vượt khoán” theo tinh thần Chỉ thị 100.

Hội Phụ nữ thị trấn do các đồng chí Triệu Thị Sắc và Hà Thị Hiền làm Chủ tịch thường xuyên coi trọng củng cố tổ chức để giáo dục và bảo vệ quyền lợi chị em. Hội còn động viên những chị em có chồng con tham gia chiến đấu ở biên giới khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất. Hội cũng tích cực tham gia phong trào đỡ đầu con liệt sĩ, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tổ chức và xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân tiếp tục được giữ vững trên cơ sở nhận thức sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Dân quân thị trấn được củng cố vững mạnh toàn diện gồm có 1 trung đội cơ động 28 đồng chí, các tổ chiến đấu 3 người tại mỗi bản và tiểu khu cùng các tổ bình chủng về thông tin - trinh sát, hóa học, công binh, y tế... Các phương án tác chiến thường xuyên được luyện tập, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống. Các tuyến phòng thủ được xây dựng trên cơ sở kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa với quốc phòng - an ninh.

Bên cạnh đó, quán triệt Chỉ thị số 92-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, Đảng ủy thị trấn chỉ đạo chặt chẽ các đợt sinh hoạt chính trị đối với cán bộ công an, góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực về mặt nhận thức và hành động. Ban Công an còn phối hợp với các đoàn thể, nhà trường, hợp tác xã bằng nhiều hình thức

như xây dựng hợp thũ chống tội phạm, thành lập các tổ an ninh ở các bản và tiểu khu... Tuy nhiên, hiện tượng trộm cắp tài sản công dân, phá hoại hoa màu... còn xảy ra, gây ảnh hưởng đến tư tưởng của một bộ phận quần chúng.

Từ năm 1975-1985, Đảng bộ và nhân dân Nà Phặc cùng cả nước thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược cách mạng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tuy còn một số khuyết điểm, thiếu sót, đặc biệt trên lĩnh vực phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân, do yếu tố khách quan và chủ quan đem lại, song truyền thống cách mạng của nhân dân Nà Phặc luôn luôn được giữ vững và phát huy trong bất kỳ hoàn cảnh lịch sử nào. Đó là lòng trung thành tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, là những nét đẹp về truyền thống văn hóa, bản sắc của quê hương không bị mai một theo thời gian. Đây chính là cơ sở bền vững để khi có đường lối đúng đắn của Đảng, Nà Phặc sẽ vươn lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

II. TIẾN HÀNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1986-1995)

1. Những năm đầu đổi mới (1986-1990)

Để lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt những chủ trương của Đảng, ngày 7-9-1986, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc tiến hành Đại hội lần thứ XI, nhiệm kỳ 1986-1988, với sự tham gia của 116/156 đảng viên. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được cũng như tồn tại, hạn chế trong nhiệm kỳ 1984-1986, đồng thời đề ra phương hướng trong nhiệm kỳ tiếp theo, tập trung cao độ cho nhiệm vụ phát triển kinh

tế nhằm nâng cao đời sống nhân dân. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 11 ủy viên do đồng chí Triệu Văn Pạ làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hoàng Văn Hành làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Tháng 12-1986, Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã đánh dấu mốc quan trọng trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Với phương châm “Nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội thẳng thắn chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm, nhất là trong chỉ đạo phát triển kinh tế trong 10 năm 1976-1985.

Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khó khăn thử thách, Đảng ta chủ trương thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Nghị quyết Đại hội VI chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt trong 5 năm 1986-1990 là tập trung sức người, sức của hoàn thành 3 chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các thành phần kinh tế; xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường, hạch toán kinh doanh.

Bắt tay vào thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, Đảng bộ và nhân dân Nà Phặc gặp không ít trở ngại. Cuộc cải cách giá - lương - tiền năm 1985 làm cho nền kinh tế đất nước lâm vào khủng hoảng, tốc độ lạm phát phi mã, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Thời tiết xấu, thiên tai xảy ra liên tục, mùa màng bị thất thu lớn. Trong công tác quản lý kinh tế có nhiều mặt buông lỏng, gây thất thoát tài sản của tập thể... ảnh hưởng đến nhận thức, tâm lý của một bộ phận nhân dân.

Khoán 100 sau một thời gian phát huy tính tích cực cũng dần bộc lộ những hạn chế. Chỉ thị 100-CT/TW mới chỉ là cải tiến hình thức khoán chưa phải là mô hình mới về tổ chức và quản lý nông nghiệp. Phương thức giao khoán, định mức khoán, phương án phân phối sản phẩm theo cơ chế 100 không thống nhất dẫn đến mức khoán tăng dần, điều chỉnh theo từng vụ theo xu hướng cao lên làm cho động lực ban đầu của cơ chế khoán bị triệt tiêu, nhiều gia đình không muốn đầu tư thâm canh ruộng hợp tác xã. Phương thức phân phối trong hợp tác xã vẫn lấy công điểm làm tiêu chuẩn nên hiện tượng rong công, phóng điểm còn xảy ra. Hơn nữa, bộ máy hợp tác xã cồng kềnh, việc quản lý không tốt dẫn tới tình trạng khô đọng sản phẩm, ăn chia phân phối có lúc chưa tương xứng với sức lao động bỏ ra làm xã viên bất bình. Nhiều bà con viết đơn xin ra ngoài làm ăn riêng lẻ khiến cho tổ chức các hợp tác xã nông nghiệp ở Nà Phặc tan vỡ và sau đó phải giải thể.

Nhằm tiếp tục đưa nông nghiệp phát triển, ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10-NQ/TW “Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”. Nghị quyết 10 (khoán 10) đề ra cơ chế khoán mới, xác định hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị kinh tế tự chủ tự quản, hộ gia đình xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã. Nghị quyết 10 tác động một cách đồng bộ cả ba mặt sở hữu, tổ chức quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm. Nghị quyết 10 là bước phát triển tất yếu của quá trình đổi mới, chủ trương giao cho nông dân quyền quản lý đối với đất đai và các tư liệu sản xuất

chính, quyền chủ động lớn hơn trong tổ chức sản xuất, hưởng các sản phẩm làm ra.

Ngày 11-10-1988, Đại hội Đảng bộ thị trấn Nà Phặc nhiệm kỳ 1989-1991 được tổ chức với sự tham gia của 155/165 đảng viên. Trên cơ sở tổng kết quá trình thực hiện khoán 100, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới là: Vận dụng tốt việc khoán sản phẩm theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, thực hiện sự đổi mới trong quản lý kinh tế nông nghiệp, đưa nông nghiệp phát triển toàn diện, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, giải quyết tốt mục tiêu lương thực, thực phẩm; từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững an ninh - quốc phòng; phát triển văn hóa, giáo dục, y tế; tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 11 ủy viên. Ban Chấp hành bầu đồng chí Hoàng Văn Hành làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hoàng Ngọc Vân làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Vận dụng Nghị quyết 10 và căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thị trấn tiến hành giao ruộng cho các gia đình sử dụng theo sự chỉ đạo của huyện là không xáo trộn, giữ nguyên hiện trạng, chỉ điều chỉnh cho phù hợp quỹ đất chia khoán theo lao động, bình quân 400 m²/nhân khẩu. Các đối tượng chính sách đều được ưu tiên nhận ruộng tốt. Đàn trâu, bò được phân loại định giá theo từng con, bán cho nhân dân nuôi, sử dụng và trả dần trong một số năm. Tuy nhiên, do công tác quản lý chưa được chặt chẽ, khi hợp tác xã tan vỡ, nhiều cá nhân đã nhận ruộng

theo đất ông cha khiến cho một bộ phận đồng bào, nhất là người Kinh mới lên khai hoang, thiếu đất sản xuất, đời sống gặp rất nhiều khó khăn.

Trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, các hộ nông dân được xác định là đơn vị tự chủ, có quyền sản xuất lâu dài. Tuy giao khoán, nhưng chính quyền vẫn giám sát chặt chẽ các khâu dịch vụ, chỉ đạo các khâu kỹ thuật, thời vụ, kế hoạch sản xuất. Chính sách khoán 10 đi vào lòng dân, có tác động tích cực trong sản xuất nông nghiệp, khuyến khích nông dân phấn khởi sản xuất, thâm canh, tận dụng ruộng đất để có hiệu quả kinh tế cao nhất. Nhờ vậy, nông nghiệp có bước phát triển vượt bậc. Năm 1990, thị trấn có 60ha lúa xuân, 182ha lúa mùa, năng suất bình quân là 3 tấn/ha. Việc canh tác cây vụ đông được mở rộng, trong đó chủ lực là cây ngô với diện tích 45ha, đạt năng suất 1 tấn/ha.

Chăn nuôi có những bước tiến mạnh mẽ. Chính quyền đã cơ bản hóa giá và bán luân chuyển đàn trâu, bò cho các hộ gia đình. Đàn gia súc được chăm sóc tốt hơn, hạn chế tỷ lệ gia súc chết hàng năm. Đàn lợn và gia cầm trong mỗi hộ gia đình cũng tăng nhanh. Đặc biệt từ khi chế độ nghĩa vụ thực phẩm được xóa bỏ, thực phẩm trở thành hàng hóa tự do trên thị trường, giá cả phản ánh đúng giá trị, người nông dân yên tâm đầu tư chăn nuôi.

Vận dụng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị vào sản xuất lâm nghiệp, cấp ủy Đảng và chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm về công tác lâm nghiệp. Đồng bào các dân tộc dân có ý thức tự giác về làm nương luân canh, thâm canh... Mặc dù vậy, do nhu cầu canh tác của một bộ phận cư dân vùng cao, một số khu rừng đầu nguồn tiếp tục bị phá hoại nghiêm trọng.

Do các trạm kiểm soát hàng hóa bị dỡ bỏ, cơ chế thị trường được áp dụng nên kinh tế tư nhân ở Nà Phặc có sự phát triển nhảy vọt. Nhiều gia đình tự đầu tư mua vốn mua sắm máy móc, nguyên vật liệu, thuê mướn lao động mở rộng quy mô sản xuất may mặc, gạch ngói... Việc chế biến lương thực, thực phẩm cũng đem lại hiệu quả rõ rệt. Một số cá nhân mua máy xay xát gạo, thay thế cho các cối xay, cối giã thủ công, vừa nhanh gọn vừa góp phần giải phóng sức lao động. Một vài cửa hàng kinh doanh các loại hình dịch vụ cũng được mở ra như cắt tóc, quán ăn, sửa chữa xe đạp...

Với sự chuyển đổi phương thức kinh doanh theo cơ chế thị trường, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán hoạt động kém hiệu quả. Hợp tác xã tín dụng hầu như không có khả năng hoạt động nên đã giải thể. Tỷ trọng bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán cũng giảm sút, lượng vốn còn lại rất ít, không có đủ tiềm lực để cạnh tranh với hàng loạt các đại lý tư nhân thời mở cửa nên dần tan rã.

Kinh tế phát triển tạo điều kiện để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Nà Phặc quan tâm, chăm lo hơn đến công tác giáo dục. Từ năm 1990, địa phương thành lập thêm các trường tiểu học Bản Cây do cô Nguyễn Thị Hiệp làm Hiệu trưởng¹, tiểu học Nà Kèng do thầy Hoàng Quang

1. Các Hiệu trưởng của trường tiểu học Bản Cây: Nguyễn Thị Hiệp (1990-1991), Hoàng Thị Hòa (1991-1992), Ma Thị Đạo (1992-1993), Triệu Quang Thâm (1993-2009).

Yên làm Hiệu trưởng, tiểu học Nà Khoang do cô Hứa Thị Bảo làm Hiệu trưởng. Ban đầu, cơ sở vật chất của các trường còn rất nhiều khó khăn, phòng học hầu như 100% là nhà tạm bằng tranh, tre, vách đất, phương tiện về bàn, ghế, bảng... thiếu thốn. Bởi thế, tình trạng học 2 ca, trẻ bỏ học giữa chừng, hiện tượng tái mù chữ vẫn diễn ra, nhất là ở các bản vùng cao đặc biệt khó khăn của người Dao và người Mông.

Trạm xá thị trấn được củng cố, tăng cường trang thiết bị khám chữa bệnh, cử nhiều cán bộ đi đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trạm đã mở sở điều trị theo dõi bệnh án phục vụ người bệnh, nâng cao thái độ, trách nhiệm của người thầy thuốc đối với nhân dân. Thời gian này, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở Nà Phặc triển khai một cách kiên quyết với nhiều hình thức xử lý dành cho người sinh con thứ ba, nhất là đối tượng cán bộ, đảng viên. Năm 1990, tỷ lệ phát triển dân số địa phương là 2,3%.

Các hoạt động thông tin tuyên truyền được chỉ đạo tập trung vào phục vụ ba chương trình kinh tế lớn, đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực, kỷ niệm các ngày lễ... Phong trào thể dục thể thao tiếp tục được duy trì thường xuyên, góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần, động viên nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất.

Với phương châm xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên được đổi mới theo hướng nâng cao chất lượng. Cán bộ Ban Chỉ huy

Quân sự địa phương được tham gia các lớp học về Điều lệ mới của dân quân tự vệ. Thị trấn có trung đội cơ động, biên chế số lượng đầy đủ, chất lượng tốt. Lực lượng công an được tổ chức và hoạt động ngày một hiệu quả. Phong trào giữ gìn an ninh trật tự được triển khai thực hiện ở tất cả các bản và tiểu khu trên địa bàn, việc bảo vệ sản xuất có chuyển biến tốt. Các tệ nạn xã hội bước đầu bị ngăn chặn và xử lý như giải tán một số tụ điểm đánh bạc, buôn bán, sử dụng trái phép chất ma túy, đưa các đối tượng trộm cắp, lưu manh đi giáo dục, cải tạo...

Để nâng cao vai trò, chất lượng của đội ngũ cán bộ, đảng viên trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng mới, đầu năm 1986, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc tổ chức cho toàn thể đảng viên học tập Chỉ thị số 79-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về thực hiện phê bình và tự phê bình trong Đảng. Trong 2 năm 1989-1990, Đảng bộ tập trung vào việc triển khai thực hiện Quyết định 240-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về chống tham nhũng, Chỉ thị 59-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về “Nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức, cơ sở Đảng và làm trong sạch đội ngũ đảng viên”. Trong các đợt học tập đó, Đảng bộ luôn mở rộng và tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân; phối hợp cùng các ban ngành, đoàn thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Tuy nhiên, nhận thức của đảng viên về đường lối đổi mới chưa đồng đều, năng lực lãnh đạo của một số cán bộ, đảng viên vẫn còn hạn chế, số ít vi phạm phẩm chất, tư cách đảng viên.

Đảng bộ đặc biệt coi trọng công tác phát triển đảng viên, phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện

mở thêm nhiều lớp cảm tình Đảng nhằm bồi dưỡng, kết nạp những đoàn viên và quần chúng ưu tú vào hàng ngũ của Đảng. Từ năm 1986-1990, có trên 50 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ lên 199 đồng chí, sinh hoạt trong 12 chi bộ.

Hội đồng nhân dân xã có những đổi mới trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, giám sát, đôn đốc hoạt động của chính quyền và xem xét, giải quyết những yêu cầu chính đáng của cử tri. Đa số các nghị quyết của Hội đồng nhân dân về các vấn đề dân số, lao động, giáo dục, hàng tiêu dùng, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng thiết thực của nhân dân. Từ năm 1986-1990, địa bàn thị trấn diễn ra 2 cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân vào các năm 1987 và 1989. Các đồng chí Hoàng Văn Hành, Hoàng Ngọc Vân được Hội đồng nhân dân bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn, đồng chí Phạm Văn Tụ - Phó Chủ tịch.

Thực hiện Nghị quyết 08B-NQ/HNTW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng”, công tác vận động quần chúng có nhiều chuyển biến. Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Với tinh thần “Tuổi cao trí càng cao”, các hội viên Hội Phụ lão vận động con cháu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng. Đoàn Thanh niên tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho thanh thiếu niên, hướng hoạt động vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần

Nghị quyết Đại hội Đảng VI, thực hiện tốt các phong trào “Thanh niên sản xuất kinh doanh giỏi”, “Thanh niên xung kích trên mặt trận an ninh - quốc phòng”... Hội Phụ nữ thị trấn đã vận động hội viên tích cực tham gia 2 cuộc vận động lớn do Trung ương Hội phát động là: “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình”, “Phụ nữ nuôi dạy con tốt, hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học”. Hội Nông dân từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, kịp thời giải quyết các vướng mắc của hội viên trong sản xuất, tích cực vận động hội viên phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 10. Được thành lập vào tháng 11-1990, Hội Cựu chiến binh thị trấn với 22 hội viên, 3 chi hội do đồng chí Dương Đình Tường làm Chủ tịch, đồng chí Nông Xuân Sắc làm Phó Chủ tịch đã phát huy phẩm chất tốt đẹp của bộ đội cụ Hồ, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Trải qua 5 năm (1986-1990), Đảng bộ thị trấn Nà Phặc đã khắc phục khó khăn, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI của Đảng vào cuộc sống. Trong đó, nổi bật là tư duy kinh tế mới, xây dựng nền sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, thay đổi nếp nghĩ, cách làm của nhân dân. Mặc dù những kết quả đó chỉ là bước khởi đầu nhưng đã khẳng định đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng là đúng đắn, hợp lòng dân, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, ổn định tình hình kinh tế - xã hội địa phương (1991-1995)

Vào đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, hoàn cảnh thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp. Đó là sự khủng hoảng, sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã tác động đến tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong nước, sau 5 năm tiến hành công cuộc đổi mới, tuy đã thu được những kết quả tích cực nhưng nền kinh tế vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

Bối cảnh phức tạp này đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân những nhiệm vụ hết sức nặng nề: phải định hướng đúng đắn, vạch ra đường lối để đưa đất nước thoát khỏi khó khăn, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tháng 6-1991, Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Đại hội khẳng định xây dựng nền kinh tế thị trường hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Đặc biệt, để nâng cao sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với nhiệm vụ mới, Đại hội chỉ rõ: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và sinh hoạt.

Tháng 9-1991, Đại hội Đảng bộ thị trấn Nà Phặc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 1991-1994, được tiến hành. Báo cáo chính trị trình Đại hội nêu rõ những kết quả đạt được, cũng như tồn tại, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh

tế, văn hóa - xã hội trong nhiệm kỳ 1989-1991. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ là: phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; giữ vững an ninh chính trị, từng bước đẩy lùi tiêu cực; tạo bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa của nhiều thành phần; ổn định, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 11 đồng chí. Ban Chấp hành bầu đồng chí Hoàng Văn Hành làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nông Văn Mạc làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Sau Đại hội, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc bắt tay ngay vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Trong phát triển kinh tế, chính quyền phát động phong trào làm thủy lợi để đảm bảo việc chủ động tưới tiêu, phục vụ sản xuất. Các cán bộ thường xuyên đi kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh kịp thời và hướng dẫn cho bà con nhân dân phòng trừ sâu bệnh, làm giảm mức thiệt hại do sâu bệnh phá hoại.

Cơ cấu mùa vụ hình thành rõ rệt. Hàng năm, Nà Phặc thực hiện hai mùa vụ, vụ lúa hè thu và cây màu vụ đông. Diện tích sản xuất được mở rộng, năng suất và sản lượng lương thực qua các năm không ngừng tăng lên. Năm 1991, năng suất lúa đạt 30 tạ/ha tăng lên 37 tạ/ha năm 1995. Sản lượng lúa năm 1991 đạt 719 tấn tăng lên 921 tấn năm 1995.

Tận dụng lợi thế của địa phương trong việc cung cấp nguồn thức ăn cho gia súc và thời gian nghỉ mùa vụ, được

sự hỗ trợ từ ngân sách thị trấn, nhiều hộ gia đình đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô ngày càng mở rộng. Công tác thú y phòng dịch luôn được triển khai theo định kỳ nên đã làm giảm tỉ lệ vật nuôi chết vì dịch. Đến năm 1995, đàn trâu, bò có 769 con, đàn lợn là 1.513 con, đạt chỉ tiêu xuất chuồng từ 50-80 kg/con, đàn gà, vịt là 8.957 con.

Trong hoạt động lâm nghiệp, thị trấn Nà Phặc thực hiện Luật bảo vệ rừng năm 1991, Quyết định 327-QĐ/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng năm 1992 về chính sách sử dụng đất trồng đồi núi trọc. Bộ phận đồng bào vùng cao không có đất hoặc thiếu đất canh tác được chính quyền hướng dẫn thực hiện trồng rừng theo Chương trình 06 và Dự án 327.

Các ngành nghề có những bước tiến mới. Từ một vài trường hợp đơn lẻ trong giai đoạn trước, đến năm 1995, toàn thị trấn có trên 40 hộ kinh doanh với các loại hình như mộc, nề, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng quán ăn uống, chế biến nông sản, làm đậu phụ, bánh rán... thu hút nhiều lao động từ nông nghiệp sang. Sự phát triển mạnh mẽ của các ngành thương mại và dịch vụ không chỉ làm thay đổi cơ cấu lao động mà còn dẫn đến sự chuyển dịch trong cơ cấu kinh tế của Nà Phặc.

Công tác xây dựng cơ bản đạt được những kết quả khả quan. Chính quyền tiến hành củng cố hệ thống các trường học, đảm bảo đủ tiện nghi sinh hoạt và vui chơi, học tập cho các cháu; tu sửa hoàn chỉnh hội trường Ủy ban nhân dân. Toàn bộ hệ thống đường liên bản, đường

trực chính ở Nà Phặc được nâng cấp, mở rộng tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội do được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành địa phương nên vẫn hoạt động tốt. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa được triển khai, góp phần xây dựng nếp sống mới, giảm nhẹ tệ nạn xã hội nhất là nghiện hút, cờ bạc, mê tín dị đoan. Hoạt động thể dục thể thao cũng được mở rộng với sự thành lập của các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... thu hút đông đảo thanh thiếu niên tham gia.

Công tác giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh toàn diện. Cơ sở vật chất, bàn ghế, thiết bị dạy và học được tăng cường, đội ngũ giáo viên các nhà trường không ngừng được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức nhằm đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp đổi mới. Số học sinh trong độ tuổi đến trường luôn đạt trên 95%, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp các cấp hàng năm đạt 97%, số lượng học sinh giỏi các cấp ngày càng tăng. Từ năm 1993, trường cấp I+II giải thể thành trường cấp I Nà Phặc do cô Nguyễn Thị Oanh làm Hiệu trưởng¹, còn hệ cấp II sáp nhập với trường cấp III thành trường cấp II+III Nà Phặc do thầy Hoàng Tuấn làm Hiệu trưởng², thầy Phạm Duy Hưng làm Hiệu phó phụ trách hệ cấp III, cô Lương Thị Huyền là Hiệu phó phụ trách hệ cấp II. Đến ngày 11-3-1994, trường mầm

1. Các Hiệu trưởng của trường cấp I Nà Phặc: Nguyễn Thị Oanh (1993-2015), Hoàng Triệu Hoa (từ năm 2015).

2. Các Hiệu trưởng của trường cấp II+III Nà Phặc: Hoàng Tuấn (1993-2003), Hoàng Văn Yên (1993-2015).

non Nà Phặc được thành lập với 6 lớp học do cô Hoàng Thị Dung là Hiệu trưởng¹.

Hoạt động y tế dự phòng được tiến hành thường xuyên, kịp thời và đạt hiệu quả cao. Hàng năm, trạm xá thị trấn đã khám và điều trị, chuyển tuyến trên cho hàng nghìn lượt bệnh nhân. Nhiều dịch bệnh được phát hiện và dập tắt kịp thời. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ y tế kết hợp với Hội Phụ nữ tổ chức tốt việc vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình, dùng các phương tiện thông tin, tập tranh ảnh để tuyên truyền đến các thôn bản và tiểu khu.

Đảng bộ luôn chăm lo củng cố, xây dựng lực lượng công an để đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Ban Công an thị trấn đã không ngừng nâng cao trách nhiệm và vị trí của mình; tổ chức triển khai các đợt cao điểm phòng chống tội phạm, xử lý kịp thời các đối tượng hình sự.

Công tác quốc phòng tiếp tục được củng cố. Trong 5 năm 1991-1995, thị trấn tổ chức tốt việc khám sức khỏe cho 95 thanh niên lên đường nhập ngũ. Hàng năm, lực lượng dân quân Nà Phặc tổ chức tập luyện, diễn tập quân sự theo kế hoạch chung của Huyện đội.

Đầu những năm 1990, tình hình chính trị thế giới diễn biến rất phức tạp, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân băn khoăn, lo lắng. Mặt khác, mặt trái của cơ chế thị trường làm tiêu cực xã hội tăng lên, các quan niệm về chuẩn mực đạo đức có sự thay đổi. Công tác chính trị

1. Các Hiệu trưởng của trường mầm non Nà Phặc: Hoàng Thị Dung (1994-2007), Nguyễn Thị Vân (2007-2015).

tư tưởng vì thế được Đảng bộ rất coi trọng. Qua các buổi sinh hoạt chi bộ, hội nghị Đảng bộ, việc tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội VII, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội... giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức được những thành tựu, khó khăn, thời cơ và thách thức, khơi dậy truyền thống cách mạng, đoàn kết, tự lực tự cường.

Đảng bộ rất coi trọng công tác phát triển đảng viên mới. Trong 5 năm 1991-1995, 22 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, nâng số lượng đảng viên trong Đảng bộ lên 217 đồng chí trong 12 chi bộ (11 chi bộ thôn, tiểu khu và 1 chi bộ nhà trường).

Đầu năm 1994, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1994-1995. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được, và những khuyết điểm trong nhiệm kỳ 1991-1994, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Đại hội bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ 1994-1995 gồm 11 đồng chí. Ban Chấp hành bầu đồng chí Hoàng Văn Hành làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lục Văn Tiến làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân), đồng chí Hứa Văn Trọng - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Nông Văn Mạc - Ủy viên Thường vụ.

Hệ thống chính quyền địa phương được đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ thị trấn. Hội đồng nhân dân đóng vai trò là cơ quan đại diện cho quyền lực của nhân dân ở cơ sở, thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các ngành, đoàn thể tuân theo Hiến pháp và pháp luật; đồng thời cùng cơ quan chức

năng hoạch định chương trình kinh tế lớn về hoạch định ngân sách, phát triển sản xuất, quản lý quy hoạch đất đai, giao thông, thủy lợi, xây dựng cơ bản... Ủy ban nhân dân tăng hiệu quả hoạt động, thực sự trở thành chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Đi đôi với công tác xây dựng chính quyền, Đảng bộ cũng hết sức chú trọng đến hoạt động của các đoàn thể quần chúng. Mặt trận Tổ quốc thực sự trở thành cầu nối giữa Đảng với dân, dân với Đảng. Trong các cuộc bầu cử, Mặt trận đã thể hiện tốt vai trò hiệp thương, giới thiệu nhân sự, giúp cử tri hiểu rõ lý lịch, quá trình công tác của các ứng viên, góp phần đảm bảo bầu cử dân chủ, đúng luật. Mặt trận còn thể hiện vai trò xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, bài trừ các tệ nạn xã hội, tích cực vận động nhân dân tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, ủng hộ đồng bào các địa phương bị bão lụt...

Hội Nông dân đã bám sát những chỉ đạo từ Đảng bộ và chính quyền để hướng dẫn nông dân thực hành có hiệu quả. Hội phối hợp với chính quyền địa phương trong thực hiện đưa giống lúa mới vào đồng ruộng, vận động hội viên sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau xóa đói giảm nghèo. Hội còn tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân.

Hội Cựu chiến binh tiếp tục phát huy vai trò của mình, góp phần tham gia xây dựng chính quyền, bảo vệ Đảng, tăng cường quốc phòng chống mọi âm mưu “Diễn biến hòa bình”; cùng với công an, dân quân hoàn tất chương trình huấn luyện quân sự và bảo đảm chỉ tiêu giao quân hàng năm.

Hội Phụ nữ đã đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, triển khai tích cực các chương trình của Trung ương Hội như: chương trình bồi dưỡng và nâng cao kiến thức năng lực cho phụ nữ; chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Công tác củng cố tổ chức luôn được quan tâm, tạo điều kiện cho chị em phụ nữ tham gia đầy đủ các phong trào của địa phương.

Đoàn Thanh niên phát động những phong trào gắn với các chủ trương, nghị quyết của Đảng, duy trì nề nếp sinh hoạt... Thông qua đó, đoàn viên, thanh niên Nà Phặc nhận thức sâu sắc hơn về lý tưởng cộng sản, về đạo đức cách mạng và được các chi bộ giới thiệu đi học cảm tình Đảng, một số được kết nạp Đảng.

Tròn một thập kỷ bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ và nhân dân thị trấn Nà Phặc đã vượt qua nhiều khó khăn của một địa phương miền núi để phấn đấu thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và lần thứ VII. Những thành tích đạt được dù chỉ là bước đầu nhưng đó là nguồn cổ vũ, động viên Đảng bộ cùng nhân dân Nà Phặc vững tin vào đường lối cách mạng của Đảng, vững tin vào chính khả năng của mình để phấn đấu vươn lên xây dựng quê hương giàu đẹp, xứng đáng với truyền thống văn hóa bao thế hệ đi trước góp công vun đắp.

Chương V

NÀ PHẶC ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI (1996-2015)

I. TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH CẢ NƯỚC ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI (1996-2005)

1. Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn lần thứ XV (1996-2000)

Thực hiện Chỉ thị 54-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức Đại hội các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc, tháng 12-1995, Đại hội Đảng bộ thị trấn Nà Phặc lần thứ XV, nhiệm kỳ 1996-2000, được tiến hành. Sau khi kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1994-1995, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới, xác định: Nà Phặc lấy trồng trọt, chăn nuôi làm ngành sản xuất chính; từng bước giảm dần tỷ trọng nông nghiệp sang thương mại, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh phát triển kinh tế vườn đồi, trang trại và rừng. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 11 đồng chí. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu đồng chí Trần Quang Huệ giữ chức Bí thư Đảng ủy¹, đồng

1. Từ năm 1997, đồng chí Hoàng Văn Hành lên thay đồng chí Trần Quang Huệ giữ chức Bí thư Đảng ủy.

chí Hứa Văn Trọng là Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Lục Văn Tiến làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Tháng 7-1996, Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. Trên cơ sở phân tích những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới và trong nước, nêu rõ những thời cơ và thách thức lớn, Đại hội chỉ ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 của sự nghiệp đổi mới nhằm đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đại hội cũng thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000.

Trong phát triển kinh tế, Đảng bộ tiếp tục xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Công tác thủy lợi, giống, phân bón, thuốc trừ sâu, kỹ thuật chăm sóc được bà con nông dân chú trọng nhằm tăng năng suất cây trồng. Đến năm 2000, thị trấn có 367ha lúa với 70% diện tích chủ động tưới tiêu, cấy 2 vụ. Mức độ thâm canh, tăng vụ được nâng lên, năng suất lúa đạt 4,5 tấn/ha.

Bên cạnh sản xuất lúa, Nà Phặc đã chú trọng phát triển cây vụ đông. Ủy ban nhân dân thị trấn thực hiện các đề án dịch vụ nông nghiệp tương đối tốt, mạnh dạn tìm tòi đưa vào thử nghiệm một số giống cây có giá trị kinh tế cao như thuốc lá, ngô nếp... tăng giá trị 1,5-2 lần so với cây lúa.

Chăn nuôi dần chuyển từ mang tính tự cấp tự túc sang hướng sản xuất hàng hóa. Công tác thú y được quan tâm, việc phòng và chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm đạt kết quả khá tốt. Năm 2000, Nà Phặc có 459 con trâu, 237 con bò, 1.368 con lợn, 9.178 con gà, vịt, ngan, ngỗng...

Quán triệt Nghị định 02/NĐ-CP của Chính phủ về trồng cây, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, công tác giao đất, giao rừng được tiến hành khẩn trương. Nhân dân được động viên nhận đất, nhận rừng để trồng mới, bảo vệ rừng tái sinh... Bà con còn trồng rừng mới theo các chương trình 327 và 661. Năm 2000, diện tích rừng của thị trấn là 3.679ha, đạt tỷ lệ che phủ 50%.

Sản xuất vật liệu xây dựng vẫn được duy trì, hàng năm cho ra lò hàng chục vạn viên gạch ngói. Các ngành nghề như hàn, rèn, chế biến thực phẩm, chế biến nông sản... ngày càng thu hút nhiều hộ gia đình tham gia đầu tư. Sự phát triển của các ngành tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ ở Nà Phặc đã thu hút một lượng lớn lao động, góp phần giải quyết công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho nhân dân.

Công tác xây dựng cơ bản đạt được những kết quả khả quan. Từ năm 1997, địa phương bắt đầu mắc đường dây điện, xây dựng trạm biến áp. Dù dòng điện chưa ổn định và mới chỉ có một số bản được sử dụng song việc đưa điện về phục vụ đời sống là một thắng lợi to lớn, làm thay đổi cuộc sống của nhân dân. Đó là kết quả của sự năng động, sáng tạo của Đảng ủy và chính quyền, là kết quả từ quá trình đổi mới kinh tế, là sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân Nà Phặc.

Hàng năm, thị trấn vẫn tận dụng các nguồn thu, thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên. Trong 5 năm (1996-2000), thu chi ngân sách cơ bản đúng luật, không vi phạm chính sách

quản lý kinh tế, thực hiện tốt chế độ ngân sách Nhà nước đã ban hành từ năm 1998.

Về giáo dục, chất lượng dạy và học ngày càng tăng lên. Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt trên 95%, tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 90% trở lên. Số giáo viên giỏi, học sinh giỏi năm sau cao hơn năm trước. Năm học 1998, thị trấn đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Năm 2000, cấp trên đã công nhận thị trấn Nà Phặc đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Hoạt động y tế phát triển cả về cơ sở vật chất cũng như đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn. Phòng khám, các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân ngày càng được tăng cường. Với đội ngũ cán bộ bao gồm các y sỹ, y tá tại trạm y tế và cộng tác viên ở các khu dân cư, mạng lưới y tế được hình thành và làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Đồng thời, cán bộ y tế còn là lực lượng nòng cốt phối hợp với Ban Dân số làm tốt công tác truyền thông về thực hiện kế hoạch hóa gia đình, góp phần làm giảm tỷ lệ sinh đẻ.

Thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, Đảng ủy đã phát động phong trào quần chúng rộng rãi nhằm giữ gìn những phong tục, tập quán tốt đẹp, loại bỏ dần hủ tục lạc hậu, góp phần phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, tình hình tôn giáo có những diễn biến phức tạp. Trong số những tín đồ đạo Tin lành, có 22 hộ tách ra, gia nhập vào tổ chức trái phép Dương Văn Minh,

lén lút hoạt động và gây mâu thuẫn với các tôn giáo khác. Đảng bộ và chính quyền thị trấn đã kịp thời có biện pháp xử lý các phần tử gây rối, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị địa phương.

Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của quê hương, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng luôn chăm lo các gia đình thương binh liệt sỹ, gia đình có công với nước, người già cô đơn, trẻ em tàn tật. Trong các dịp 27-7 và tết cổ truyền, thị trấn làm tốt việc thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách. Đồng thời, chính quyền còn tiến hành tu sửa một số nhà dột nát, tích cực rà soát việc khen thưởng người có công trong các cuộc kháng chiến.

Thực hiện Quyết định số 137-QĐ/BNV ngày 12-10-1999 của Bộ Nội vụ về quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và lề lối làm việc của công an cơ sở, lực lượng an ninh địa phương được kiện toàn đến các bản. Lực lượng dân quân tự vệ hàng năm được huấn luyện theo chương trình giáo dục quốc phòng của cấp trên đạt kết quả tốt. Ngoài nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, dân quân còn là nguồn dự bị động viên, tuyển quân hàng năm.

Công tác tư pháp bước đầu làm tốt việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Vấn đề tiếp dân, giải quyết các đơn thư khiếu nại và tiến hành hòa giải ở khu dân cư luôn được hoàn thành, góp phần không nhỏ làm lành mạnh cuộc sống của nhân dân đồng thời tăng cường hiệu quả việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cùng với lãnh đạo về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc luôn chú trọng và nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền, phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào các hoạt động xã hội và thực hiện quyền làm chủ. Hội đồng nhân dân duy trì tốt chức năng theo luật định, có sự đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động một cách chất lượng và có hiệu quả. Trong các kỳ họp, Hội đồng nhân dân thể hiện tinh thần dân chủ, công khai, thẳng thắn đóng góp ý kiến xây dựng các nghị quyết sát với tình hình thực tế, đảm bảo đúng pháp luật. Ủy ban nhân dân tăng cường vai trò quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống, hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch huyện giao và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị trấn đề ra.

Từ năm 1998, thực hiện Nghị định 29-NĐ/CP của Chính phủ về Quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác vận động quần chúng được tăng cường và đạt hiệu quả rõ rệt. Mặt trận Tổ quốc thể hiện vai trò liên minh chính trị, thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc, vận động nhân dân tham gia phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”. Đoàn Thanh niên chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho thanh niên. Công tác đoàn đội trong các nhà trường hoạt động có nề nếp, làm nòng cốt cho nhiệm vụ giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Thực hiện chương trình hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, tăng thu nhập, Hội Phụ nữ đã tín chấp vay vốn ngân hàng cho nhiều chị em làm kinh tế. Hội Nông dân đi đầu trong việc

thực hiện các phong trào thi đua phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau về giống, vật tư và kỹ thuật. Hội Cựu chiến binh luôn tuyên truyền, vận động hội viên phát triển kinh tế và thực hiện tốt các chính sách pháp luật.

Trên tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn nhiệm kỳ 1996-2000, công tác xây dựng Đảng được chú trọng trên tất cả các mặt. Về chính trị tư tưởng, Đảng bộ tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Đảng bộ cấp trên nhằm nâng cao nhận thức và củng cố lòng tin cho mỗi cán bộ, đảng viên về mục tiêu, con đường chủ nghĩa xã hội, để từ đó tự xác định được nhiệm vụ trên cương vị được giao.

Ngoài việc xây dựng quy chế tổ chức làm việc, Đảng ủy còn tiến hành xây dựng chương trình công tác từng năm, từng tháng để chủ động trong việc lãnh đạo nhiệm vụ chính trị địa phương. Từ Đảng ủy đến chi ủy từng bước có sự đổi mới chế độ hội họp, ra nghị quyết và chế độ phản ánh theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả.

Xác định công tác cán bộ là nhân tố quyết định chất lượng lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng ủy Nhà Phặc luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên. Trong 5 năm 1996-2000, Đảng bộ đã cử nhiều đồng chí đi học lớp văn hóa trung học phổ thông, lớp lý luận chính trị nhằm nâng cao năng lực công tác và trình độ chuyên môn.

Tháng 9-2000, Đại hội Đảng bộ thị trấn Nà Phặc lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2000-2005, được tổ chức. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội giai đoạn 1996-2000 và khẳng định: từ năm 1996-2000, với sự nỗ lực cố gắng, tinh thần năng động, sáng tạo, phát huy thành tựu của 10 năm đổi mới, 5 năm 1996-2000 là thời kỳ phát triển mạnh mẽ trên tất cả các mặt chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới với nội dung chính là: triệt để khai thác tiềm năng về đất đai, lao động để phát triển sản xuất, tăng nhanh nông sản hàng hóa, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế; thực hiện tốt công tác quân sự địa phương, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 13 ủy viên. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu 5 đồng chí vào Ban Thường vụ: Lục Văn Tiến - Bí thư Đảng ủy, Hứa Văn Trọng - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Trần Văn Kỳ - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân), Bé Văn Liệu và Dương Văn Hằng - Ủy viên Thường vụ.

Thành công của Đại hội Đảng bộ thị trấn Nà Phặc nhiệm kỳ 2000-2005 đã thể hiện tinh thần đoàn kết, dân chủ. Những phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu Đại hội đề ra cùng với những thành tựu trong 5 năm 1996-2000 là điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên và nhân dân Nà

Phặc bước vào thiên niên kỷ mới giành những thắng lợi trong việc xây dựng quê hương giàu đẹp.

2. Vững bước tiến vào thế kỷ XXI (2000-2005)

Tháng 4-2001, Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Đại hội đã nhìn lại chặng đường 71 năm cách mạng Việt Nam, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc, từ đó hoàn thiện đường lối, định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Ngân Sơn, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc đã tập trung lãnh đạo chương trình phát triển kinh tế, tiến hành chuyển đổi một số diện tích lúa có khó khăn về nước tưới sang trồng các rau màu có giá trị cao. Bên cạnh đó, thị trấn đã quan tâm đẩy mạnh, mở rộng diện tích cây trồng vụ đông, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và một phần cung cấp cho các thị trường bên ngoài. Chính quyền còn tổ chức nhiều hội nghị tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ gia đình góp phần làm tăng năng suất lao động; động viên nhân dân loại bỏ giống lúa cũ, đưa giống mới có tiềm năng vào sản xuất. Năm 2005, diện tích canh tác là 435ha, năng suất lúa đạt 4,7 tấn/ha, sản lượng lương thực quy thóc đạt 2.205 tấn.

Trong chăn nuôi, một số hộ gia đình bắt đầu nuôi lợn, gà theo hướng bán công nghiệp. Công tác tiêm phòng cho

gia súc, gia cầm được chú trọng thường xuyên, bệnh dịch do đó bị đẩy lùi, không có ổ dịch lớn phát sinh. Đến năm 2005, tổng số đàn trâu, bò, lợn là 3.035 con, đàn gia cầm là 11.273 con.

Cấp ủy Đảng và chính quyền đã tổ chức tuyên truyền cho nhân dân ở các bản về các chỉ thị, nghị quyết và các chính sách về phòng chống cháy rừng, quản lý bảo vệ rừng của Trung ương. Từ đó, ý thức bảo vệ rừng của nhân dân ngày càng được nâng cao; các vụ việc chặt phá rừng trái phép và buôn bán gỗ lậu bị ngăn chặn. Từ năm 2000-2005, thị trấn trồng thêm 409ha rừng theo Dự án 661. Năm 2005, diện tích rừng của địa phương tăng lên 4.156ha.

Về sản xuất tiểu thủ công nghiệp, kinh tế hộ gia đình đã thích ứng với cơ chế thị trường. Dịch vụ, thương mại có bước tiến bộ trên khắp các địa bàn, đặc biệt là ở khu trung tâm và ngã ba Nà Phặc. Nhiều hộ gia đình, cơ sở đã mở cửa hàng, tham gia vào các lĩnh vực dịch vụ xây dựng, cơ khí, vật liệu xây dựng, lương thực và thực phẩm...

Trong xây dựng cơ bản, thị trấn đã tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ ngân sách cấp trên, nguồn vốn do nhân dân đóng góp và sự hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn. Chính quyền quan tâm tới hệ thống thủy lợi nội đồng; sửa chữa và xây dựng mới các hạng mục công trình trường học; cùng với Sở điện lực và các ban, ngành liên quan làm hệ thống đường điện hạ thế ở tất cả các các bản còn lại. Ngoài ra, nhân dân địa phương còn đóng góp xây dựng, rải đá cấp phối hầu hết các tuyến đường liên bản.

Mặc dù ngân sách gặp rất nhiều khó khăn do tài nguyên thiên nhiên nghèo nàn, thị trường nhỏ lẻ, manh mún, phát triển chậm, vẫn phải dựa vào cấp trên hỗ trợ, song công tác thu chi ngân sách luôn đảm bảo theo luật, tiết kiệm chi tiêu đảm bảo hoạt động thường xuyên, có hiệu quả. Năm 2005, thu ngân sách trên địa bàn là 141.321.700 đồng.

Đến năm 2005, tổng sản phẩm xã hội đạt 18 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 3,25 triệu đồng/năm. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến tích cực: giá trị sản xuất nông nghiệp có xu hướng giảm, tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thương mại tăng dần.

Công tác quản lý đất đai được chấn chỉnh đi vào nề nếp. Thị trấn đã xây dựng quy hoạch đất đai trong cả giai đoạn 2001-2010 và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, chính quyền thường xuyên kiểm tra, rà soát số liệu phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về giáo dục, các trường học tại địa phương ngày càng nâng cao chất lượng, được chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Chất lượng giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ và phong trào thi đua "Hai tốt" trong các nhà trường ngày càng được nâng lên. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, học sinh học giỏi các cấp học ngày càng tăng, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt trên 90%/năm.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng được đổi mới. Các chương trình y tế Quốc gia, y tế cộng đồng luôn được triển khai và tổ chức có hiệu quả. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm y tế tiếp tục được nâng

cấp, có đủ phòng làm việc, vườn thuốc nam. Từ năm 2000-2005, trạm y tế thị trấn khám và điều trị cho hàng nghìn lượt người.

Hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình tiếp tục có những kết quả khả quan. Công tác chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em được cả gia đình, cộng đồng và xã hội quan tâm nhất là việc khám, chữa bệnh cho phụ nữ mang thai và trẻ em dưới 6 tuổi. Năm 2005, 95% trẻ 6-36 tháng tuổi được uống vitamin A, 85% các cặp vợ chồng sử dụng các biện pháp tránh thai.

Công tác chính sách xã hội luôn được sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ và chính quyền. Việc giải quyết chế độ, chính sách cho người có công với cách mạng, thương binh, bệnh binh, người già cô đơn không nơi nương tựa... đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng. Các cuộc vận động ủng hộ đồng bào lũ lụt, quỹ ngày vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Đến năm 2005, thị trấn không còn hộ đói, số hộ nghèo là 730 hộ.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” ngày càng được nhân rộng. Kết quả là truyền thống, đạo lý, thuần phong mỹ tục trong mỗi gia đình, dòng họ được giữ vững và phát huy, mối quan hệ trong cộng đồng dân cư ngày một tốt hơn. Đến năm 2005, Nà Phặc có 560 gia đình và 3 bản đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao vẫn duy trì đều đặn, thu hút đông đảo nhân dân thuộc mọi lứa tuổi tham gia. Tuy cơ sở vật chất đài truyền thanh còn gặp

nhiều khó khăn song vẫn đảm bảo công tác thông tin, duy trì giờ phát thanh đều đặn, thường xuyên tiếp sóng đài truyền thanh tuyến trên, phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật, truyền truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thực hiện các chỉ thị của Tỉnh ủy về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, hàng năm, Ban Chỉ huy quân sự thị trấn tổ chức khám tuyển cho các thanh niên và thực hiện chính sách đối với thanh niên nhập ngũ. Công tác quản lý lực lượng dự bị động viên, tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ được thực hiện tốt. Chính sách hậu phương quân đội được giải quyết đầy đủ.

Nhằm bảo vệ sản xuất, tài sản tập thể và tài sản công dân, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc đưa ra các nghị quyết chuyên đề về an ninh trật tự. Ban Công an ngăn chặn kịp thời những mâu thuẫn, nhất là trong tranh chấp đất đai. Đặc biệt, năm 2001, công an thị trấn với sự giúp đỡ của Ủy ban nhân dân huyện đã phát hiện và xử lý kịp thời vụ việc thu tiền trái phép của tổ chức Dương Văn Minh tại địa phương.

Đi đôi với nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm then chốt.

Trong những năm đầu của thế kỷ XXI, nhiệm vụ nổi bật của công tác Đảng là việc kết nạp đảng viên mới. Từng chi bộ xây dựng chương trình, chỉ tiêu phát triển đảng

viên mới hàng năm rất cụ thể. Xu hướng phân đầu vào Đảng của đoàn viên, thanh niên có tiến bộ hơn hẳn so với giai đoạn trước. Đến năm 2005, số lượng đảng viên của Đảng bộ tăng lên 355 đồng chí, sinh hoạt trong 19 chi bộ.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được chú ý thường xuyên. Đảng bộ đã quán triệt đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, tỉnh, huyện đến cán bộ, đảng viên và nhân dân như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 4 (khóa IX).

Đội ngũ cán bộ được chú ý bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giữ vững phẩm chất, đạo đức cách mạng, đảm bảo quy hoạch trước mắt và lâu dài. Đảng ủy đã cử nhiều đồng chí đi học các lớp bồi dưỡng quản lý Nhà nước, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và các ngành chuyên môn.

Hội đồng nhân dân thị trấn duy trì tốt mọi hoạt động theo luật định. Công tác chuẩn bị nội dung, chương trình và chất lượng các kỳ họp được nâng lên rõ rệt. Việc tiếp xúc và trả lời ý kiến cử tri được chuẩn bị chu đáo, cụ thể hơn. Ủy ban nhân dân đã phát huy vai trò quản lý, điều hành trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị đề ra.

Mặt trận Tổ quốc góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Từ năm 2000-2005, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị trấn Nà Phặc đã vận động nhân dân ủng hộ hàng chục triệu đồng xây dựng quỹ vì

người nghèo; chỉ đạo xây dựng một số căn nhà đại đoàn kết cho các hộ đặc biệt khó khăn.

Đoàn Thanh niên tập trung tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, thanh niên về lý tưởng cách mạng trong giai đoạn mới, khơi dậy truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường vượt lên khó khăn, gian khổ để nâng cao trách nhiệm của mỗi đoàn viên trong việc xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh.

Hội Nông dân tiến hành củng cố và phát triển tổ chức đến các bản. Các hội viên tăng cường vận động nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển các ngành nghề, tạo việc làm, nâng cao thu nhập.

Hội Phụ nữ thực hiện tốt các phong trào do Trung ương Hội phát động, vận động xây dựng mô hình gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị em phụ nữ đi đầu trong cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. Thông qua tổ chức Hội và sự giúp đỡ của các chị em, nhiều hội viên được vay vốn, phát triển sản xuất, được tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật...

Hội Cựu chiến binh phát huy phẩm chất bộ đội cụ Hồ, tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa. Hội viên cựu chiến binh đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, truyền thống anh hùng cách mạng, ý chí tự lực tự cường trong các tầng lớp nhân dân.

II. TIẾN HÀNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐI VÀO CHIỀU SÂU (2005-2015)

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội (2005-2010)

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, từ ngày 20 - 21/5/2005, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc tổ chức Đại hội lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2005-2010. Đại hội đã đánh giá kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2000-2005, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ cho 5 năm tới với những thuận lợi và khó khăn, thử thách:

Những thành tựu đạt được trong gần 20 năm đổi mới làm cho đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, an ninh chính trị được giữ vững, lòng tin của nhân dân với Đảng được nâng cao. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng cùng với sự đổi mới một số cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhân dân thị trấn cần cù lao động, sáng tạo thông minh, khá nhanh nhạy với cơ chế thị trường cùng với nguồn nhân lực dồi dào. Đội ngũ cán bộ trải qua học tập và có nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương.

Các công trình giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất còn thiếu, một số cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật bị xuống cấp. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, tỷ trọng nông nghiệp còn rất lớn trong khi tỷ trọng dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp chưa cao.

Những thuận lợi, khó khăn trên đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân thị trấn Nà Phặc phấn đấu vươn lên. Đại hội đã đề ra các mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8%/năm trở lên, bình quân lương thực đầu người đạt 400 kg/năm. Thu nhập bình quân đầu người đạt 4 triệu đồng/năm.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 40%; hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 2%; giữ vững phổ cập tiểu học, từng bước phấn đấu đạt phổ cập trung học cơ sở. Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa chiếm trên 50%, có một số cơ quan và khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Đảm bảo tốt trật tự an ninh, an toàn xã hội, giảm tệ nạn xã hội. Hàng năm, hoàn thành chỉ tiêu giao quân và huấn luyện dân quân, quản lý lực lượng dự bị động viên.

Trên 50% chi bộ Đảng đạt trong sạch vững mạnh, Đảng bộ phần đầu đạt trong sạch vững mạnh. Chính quyền thực hiện tốt cải cách hành chính theo “Cơ chế một cửa”, nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành xã hội theo pháp luật. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đều đạt loại khá trở lên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 13 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu 5 đồng chí vào Ban Thường vụ: Trần Văn Kỳ - Bí thư Đảng ủy, Hứa Văn Trọng - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy (Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra), Hoàng Đình Dong - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân)¹, Dương Văn Hằng và Phạm Kim Hiếu - Ủy viên Thường vụ.

1. Từ tháng 9-2009, thực hiện Hướng dẫn 25/BTC-TW của Ban Tổ chức Trung ương, đồng chí Hoàng Đình Dong trở thành Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn.

Trong những ngày đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn, nhân dân Nà Phặc vui mừng chào đón thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Với chủ đề: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, Đại hội đã tổng kết lý luận và thực tiễn đất nước sau 20 năm đổi mới, đưa ra nhiều quyết sách quan trọng, định hướng cho toàn dân thực hiện, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân thị trấn Nà Phặc đã đạt được nhiều thành tích quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội - quốc phòng - an ninh.

Trong nông nghiệp, chính quyền chỉ đạo xây dựng và hoàn thành quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2005-2010. Nông nghiệp được xác định là mặt trận hàng đầu, tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; xóa bỏ tình trạng sản xuất manh mún, tự cung tự cấp; đưa những loại cây con có năng suất cao vào sản xuất; tích cực khai thác đất đồi, đất vườn, thực hiện thâm canh, tăng vụ, tăng hệ số sử dụng đất, mở rộng diện tích cây vụ đông, cây ăn quả. Nhờ vậy, tuy diễn biến thời tiết bất thường, nắng nóng kéo dài, lũ lụt thường xuyên cùng với dịch bệnh chưa được khống chế triệt để, giá cả vật tư tăng cao, song sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vững nhịp độ phát triển. Năm 2010, tổng sản lượng lương thực đạt 2.566 tấn, bình quân lương

thực là 436 kg/người/năm, trong đó có 24,7ha đất ruộng đạt giá trị canh tác trên 70 triệu đồng/ha/năm.

Chăn nuôi phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhân dân đã đầu tư chú trọng đến các khâu như giống, thức ăn, kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như đầu ra cho sản phẩm. Mô hình chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp ngày càng được nhân rộng song chủ yếu mới chỉ quy mô hộ gia đình hoặc trang trại nhỏ, chưa phát triển quy mô trang trại lớn. Năm 2010, tổng số lượng đàn trâu, bò là 2.444 con, có xu hướng giảm; đàn lợn và gia cầm tăng nhanh với 4.320 con lợn và hàng chục ngàn con gà, vịt, ngan, ngỗng.

Công tác trồng rừng tiếp tục duy trì tốt và đến năm 2010, Nà Phặc đã cơ bản phủ xanh toàn bộ diện tích đất trống, đồi núi trọc. Chính quyền khuyến khích bà con chuyển đổi đất vườn, đất đồi bằng phẳng sang trồng cây ăn quả, các loại cây cảnh kết hợp với nuôi gia cầm, còn đất đồi có độ dốc cao trồng buong, tre, cây lấy gỗ... kết hợp nuôi gia súc lớn như trâu, bò... Năm 2009, thị trấn đã cấp giấy phép khai thác gỗ vườn nhà, gỗ rừng trồng cho 26 trường hợp theo đúng quy định.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thương mại phát triển mạnh. Từ năm 2005-2010, chính quyền tập trung chỉ đạo mở rộng, phát triển nghề mới, mở lớp học nâng cao tay nghề cho thợ thủ công nhằm đa dạng hóa, cải tiến mẫu mã sản phẩm phục vụ thị trường, giải quyết việc làm cho người lao động lúc nông nhàn, tăng thu nhập kinh tế. Bên cạnh đó, dịch vụ, thương mại ngày càng phát triển,

nhất là các điểm đầu mối giao thông và khu trung tâm, bao gồm các nghề xay xát, chế biến, vận tải, ăn uống... đã tạo việc làm ổn định với thu nhập khá cho hàng trăm lao động, góp phần vào tăng trưởng kinh tế chung của địa phương. Năm 2010, Nà Phặc đã có 154 cơ sở kinh doanh các ngành nghề.

Công tác tài chính có nhiều cố gắng, tập trung quản lý, khai thác hiệu quả các nguồn thu, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tiết kiệm chi tiêu để đầu tư cho xây dựng cơ bản. Năm 2009, thu ngân sách trên địa bàn đạt gần 170 triệu đồng. Vốn vay từ ngân hàng dư nợ trong hạn trên 23 tỷ đồng, các hộ vay cơ bản sử dụng đúng mục đích, thực hiện cam kết về trả gốc và lãi đúng thời gian quy định.

Trong xây dựng cơ bản, chính quyền đã chú trọng tới việc lập quy hoạch xây dựng kết hợp tích cực tranh thủ khai thác các nguồn vốn đầu tư. Hệ thống kết cấu hạ tầng, đường giao thông, trường học, thủy lợi... được tu sửa, nâng cấp. Từ năm 2005-2010, tổng số vốn cho xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh ở Nà Phặc lên tới hàng chục tỷ đồng.

Về hoạt động quản lý đất đai và đô thị, địa phương đã xây dựng kế hoạch hàng năm làm cơ sở cho hoạt động sử dụng đất có hiệu quả. Việc giao đất, thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện đúng luật, theo quy định của Nhà nước. Những vụ vi phạm trong lĩnh vực đất đai bị hạn chế, một số trường hợp bị xử lý nghiêm khắc. Mặc dù vậy, tình trạng lấn chiếm vỉa hè để buôn

bán, xây dựng nhà trái phép, đổ rác thải không theo lịch và đúng nơi quy định... vẫn còn xảy ra.

Tính chung trong nhiệm kỳ 2005-2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt 8%, thu nhập bình quân đạt 4,5 triệu đồng/người/năm. Đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người dân được nâng cao, 90% hộ gia đình có điện, 80% có máy thu thanh, thu hình, 70% có máy điện thoại, toàn thị trấn có trên 1.000 xe máy các loại.

Về giáo dục, từ năm 2007-2009, các trường tiểu học Bản Cày và tiểu học Nà Kềng sáp nhập vào trường tiểu học Nà Phặc. Năm 2010, trường tiểu học Nà Khoang bắt đầu mở thêm hệ trung học cơ sở và đổi tên thành trường tiểu học và trung học cơ sở Nà Khoang do cô Hứa Thị Pảo làm Hiệu trưởng¹. Cơ sở vật chất của các nhà trường dần được hoàn thiện. Chất lượng giáo dục nâng lên theo từng năm, tỷ lệ học sinh lên lớp, đỗ tốt nghiệp ở 3 cấp học luôn đạt trên 98%, số học sinh giỏi ngày càng nhiều. Đội ngũ giáo viên và cán bộ lãnh đạo quản lý tại các trường thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cơ bản đạt chuẩn. Công tác xã hội hóa giáo dục được phát huy. Mối quan hệ giữa chính quyền - gia đình - nhà trường ngày càng gắn bó. Trung tâm giáo dục cộng đồng, Hội Khuyến học hoạt động có hiệu quả, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài.

1. Các Hiệu trưởng trường tiểu học và trung học cơ sở Nà Khoang: Hứa Thị Pảo (2010-2012), Đàm Văn Quyết (2012-2014), Chu Thị Huệ (2014-2015), Đàm Văn Tuyền (từ năm 2015).

Y tế thị trấn đã có nhiều cố gắng trong việc nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh ngày càng tăng, chế độ bảo hiểm cho các đối tượng được trạm y tế thực hiện đầy đủ. Tất cả 25/25 bản và tiểu khu đã có y tế cơ sở và túi thuốc. Địa phương cũng làm tốt công tác vận động nhân dân bảo vệ môi trường, ăn uống hợp vệ sinh.

Công tác dân số được đẩy mạnh, thường xuyên tăng cường các biện pháp tuyên truyền kế hoạch hóa gia đình gắn với chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm, trung bình mỗi năm là 1,3%.

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa được thực hiện tốt. Đến năm 2010, Nà Phặc có 2 bản và 682 hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa. Đảng bộ đã tiếp tục duy trì và thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị về việc tổ chức thực hiện việc cưới, việc tang, lễ mừng thọ đơn giản, tiết kiệm. Hệ thống truyền thanh duy trì nền nếp thông tin, tiếp sóng Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền thanh huyện. Hoạt động thể dục dưỡng sinh của Hội Người cao tuổi, phong trào văn nghệ, luyện tập bóng đá, bóng chuyền, cầu lông trong thanh thiếu niên thu hút hàng trăm người tham gia.

Các chính sách xã hội được thực hiện một cách thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Chính quyền thực hiện tốt chính sách khen thưởng, ưu đãi với những người có công, tiến hành cấp phát đầy đủ mọi chế độ do Nhà nước quy định hàng năm. Trong 5 năm 2005-2010,

địa phương tổ chức được 3.100 ngày công với 8 sổ tiết kiệm cứu trợ xã hội cho các hộ đặc biệt khó khăn; xóa nhà tạm cho 99 gia đình; cấp đầy đủ giấy chứng nhận hộ nghèo, thẻ bảo hiểm y tế; tạo điều kiện ưu đãi vay vốn cho 406 hộ... Vì vậy, đến năm 2009, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 27% với 378 hộ (năm 2009).

Trong giai đoạn 2005-2010, tình hình chính trị luôn ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Lực lượng công an thường xuyên được củng cố, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn nên hiệu quả giải quyết công việc ngày càng tốt hơn. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển sâu rộng, tổ liên gia tự quản hoạt động có hiệu quả. Sự phối hợp tốt giữa lực lượng công an và các đoàn thể góp phần làm giảm số lượng vụ việc, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, tăng thêm lòng tin của nhân dân đối với lực lượng an ninh.

Về công tác quân sự địa phương, lực lượng thường trực, dự bị động viên và dân quân đều được củng cố, kiện toàn đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng huấn luyện luôn đạt loại giỏi. Tỷ lệ giao quân hàng năm thường đạt hoặc vượt kế hoạch trên giao. Ngoài ra, thị trấn còn làm tốt các chính sách hậu phương quân đội cho các đối tượng, hoàn thành cơ bản chế độ theo Quyết định 142-QĐ/CP của Chính phủ, bảo quản tốt vũ khí trang bị.

Tư pháp thị trấn thực hiện nghiêm túc các thủ tục hành chính hiện hành trong việc đăng ký kết hôn, khai sinh, khai tử, chứng thực; làm tốt việc hòa giải, tuyên truyền và tổ chức tốt các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật; hoàn thành

cơ bản Đề án 30 về cải cách thủ tục hành chính. Hoạt động tiếp dân luôn duy trì chế độ thường trực, giải quyết kịp thời mọi đơn thư, phản ánh của quần chúng, đảm bảo không để xảy ra những điểm nóng cũng như khiếu kiện kéo dài.

Công tác xây dựng Đảng được coi là nhiệm vụ then chốt. Trong thời gian 2005-2009, Đảng bộ kết nạp được 100 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên lên 409 đồng chí. Một số chi bộ được sắp xếp lại cho phù hợp với đặc thù công việc, đưa tổng số 19 chi bộ năm 2005 lên 23 chi bộ năm 2010.

Hàng năm, 100% chi bộ có bản đăng ký phấn đấu trong sạch vững mạnh. Năm 2009, 50% số chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 50% hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có chi bộ không hoàn thành nhiệm vụ và phải bị xử lý kỷ luật. Đảng bộ thị trấn Nà Phặc trong 5 năm thì 1 năm được cấp trên công nhận là trong sạch vững mạnh, 1 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, 3 năm hoàn thành nhiệm vụ.

Công tác kiểm tra được duy trì thường xuyên đã giúp cho các tổ chức Đảng và đảng viên kịp thời phát hiện các vi phạm, thiếu sót để khắc phục vươn lên. Từ năm 2005-2010, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tiến hành hàng chục cuộc kiểm tra; đề nghị xử lý kỷ luật một số chi bộ và đảng viên vi phạm.

Ngày 7-11-2006, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo

đức Hồ Chí Minh”. Mục đích của cuộc vận động là làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những giá trị to lớn của tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng và rèn luyện của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao đạo đức cách mạng và đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống...

Sau khi có Chỉ thị của Bộ Chính trị, các văn bản hướng dẫn của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Ngân Sơn, Đảng ủy thị trấn Nà Phặc đã thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện cuộc vận động do Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban, Phó Bí thư Thường trực làm Phó ban. Đảng ủy đã họp và xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, triển khai cuộc vận động. Ban đầu, Đảng bộ tổ chức hội nghị để quán triệt tinh thần Chỉ thị 06-CT/TW và các tài liệu về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn. Sau đó, triển khai học tập đến cán bộ, hội viên các đoàn thể quần chúng như Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... Cán bộ, đảng viên, từng chi bộ, từng ngành đều có bản đăng ký tham gia và Đảng bộ thị trấn tiến hành đăng ký cuộc vận động với Huyện ủy.

Qua 4 năm triển khai cuộc vận động (2006-2010), tư tưởng, hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân đều có chuyển biến thực sự từ nhận thức đến việc làm. Những mô hình và tấm gương điển hình trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội xuất hiện ngày càng nhiều, có tính thuyết phục cao. Hiệu quả hoạt động của các chi bộ, đoàn thể và cơ quan đơn vị được nâng lên rõ rệt.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân đã phát huy vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Công tác chuẩn bị nội dung, chương trình các kỳ họp luôn đảm bảo đúng luật. Hoạt động tiếp xúc, trả lời ý kiến cử tri được thực hiện nghiêm túc, từng đại biểu đã phát huy vai trò, trách nhiệm trước nhân dân.

Ủy ban nhân dân tiếp tục thể hiện vai trò là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, thực hiện các chức năng quản lý, điều hành trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội, tập trung vào phát triển nông nghiệp, dịch vụ, thương mại; tăng cường chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; chủ động phòng chống thiên tai; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Ủy ban nhân dân còn tiếp tục duy trì tốt việc cải cách hành chính theo “cơ chế một cửa”, luôn có chế độ thường trực tiếp dân để giải quyết nhanh chóng đơn thư khiếu nại của công dân.

Mặt trận Tổ quốc phát huy vai trò là tâm khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn kết, phát huy truyền thống cách mạng của quê hương để ra sức thi đua lao động, sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Trong các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân, Mặt trận luôn làm tốt công tác tiếp xúc cử tri, tổ chức các hội nghị hiệp thương, giới thiệu đại biểu ra ứng cử vào Hội đồng nhân dân đảm bảo đúng quy trình, đúng luật. Mặt trận còn vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư,

hưởng ứng tốt các hoạt động từ thiện như ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa.

Đoàn Thanh niên tiếp tục tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, duy trì tốt cuộc vận động “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước” và “Sổ vàng nhật ký thanh niên làm theo lời Bác”. Đoàn còn làm tốt công tác chăm sóc thiếu niên, nhi đồng, tổ chức thành công các trại hè. Qua các phong trào hoạt động, Đoàn đã phát hiện và giới thiệu cho Đảng 45 đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng xem xét, trong đó có 35 đồng chí được kết nạp vào Đảng. Đến năm 2010, tổ chức Đoàn ở Nà Phặc phát triển lên tới 21 chi đoàn cơ sở với 210 đoàn viên.

Hội Liên hiệp Phụ nữ thị trấn đã tổ chức thành công đại hội nhiệm kỳ 2006-2011, tiếp tục thực hiện 6 chương trình trọng tâm để nâng cao trình độ mọi mặt cho chị em, xây dựng nhiều mô hình, câu lạc bộ gia đình “Ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”. Hội Phụ nữ đi đầu trong việc tuyên truyền kế hoạch hóa gia đình và sinh đẻ có kế hoạch, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em... Để giúp nhau vượt khó, làm giàu chính đáng, Hội đứng ra tín chấp vay vốn ngân hàng cho hội viên để phát triển kinh tế.

Hội Nông dân phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ để tăng cường vận động nông dân thi đua lao động, sản xuất giỏi, kinh doanh dịch vụ giỏi, phát triển kinh tế tổng hợp. Hội tổ chức cho hội viên đi tham quan học tập kinh nghiệm các điển hình trong trồng trọt và chăn nuôi, mở nhiều lớp tập huấn tiến bộ khoa học kỹ thuật, làm tốt dịch vụ phân bón trả chậm cho nông dân.

Hội Cựu chiến binh tiếp tục phát huy phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ”, gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia vào phong trào phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Nhiều hội đồng ngũ của các thời kỳ được thành lập trên tinh thần tự nguyện giúp các cựu chiến binh xích lại gần nhau hơn, làm những công việc mang tính hướng thiện và tích cực.

2. Tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội (2010-2015)

Chấp hành Chỉ thị 37-CT/TW ngày 4-8-2009 của Bộ Chính trị về tổ chức đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2010-2015. Đảng ủy chỉ đạo các ban, ngành, các cơ sở tiến hành tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2005-2010, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong những năm 2010-2015.

Từ ngày 20 - 21/5/2010, Đảng bộ thị trấn Nà Phặc tiến hành Đại hội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2010-2015, tại hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn. Đại hội thông qua Báo cáo chính trị và Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2005-2010 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2010-2015, nhấn mạnh: phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng bộ, khối đại đoàn kết toàn dân, khắc phục mọi khó khăn, tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu: